

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019

Bắc ninh, tháng 3 năm 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



ĐỀ AN TUYỂN SINH NĂM 2019

1.3. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Mã khối ngành	Mã ngành học	Ngành học	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
II	7210403	Thiết kế đồ họa	50	8	15	75	10	15
II	7210404	Thiết kế thời trang	50	8	15	75	6	15
III	7340101	Quản trị kinh doanh	150	57	15	100	87	15
III	7340201	Tài chính – Ngân hàng	50	15	15	50	6	15
III	7340301	Kế toán	100	71	15	150	59	15
V	7380107	Luật kinh tế	130	16	15	50	17	15
V	7480201	Công nghệ thông tin	200	76	15	200	115	15
V	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	200	26	15	100	39	15
V	7580101	Kiến trúc	100	10	15	30	13	15
V	7580108	Thiết kế nội thất	50	9	15	40	14	15
V	7580302	Quản lý xây dựng	100	15	15	30	19	15
VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	177	15	120	120	15
VII	7220201	Ngôn ngữ Anh				50	25	15
VII	7310205	Quản lý nhà nước	150	20	15	30	26	15

2. Các thông tin của năm tuyển sinh 2019

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh năm 2019

Phương thức tuyển sinh vào đại học, chính quy năm 2019 gồm:

- Sử dụng kết quả kỳ thi Trung học phổ thông (THPT) Quốc gia để xét tuyển 40% chỉ tiêu tuyển sinh.



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019

1. Thông tin chung

1.1. Trường Đại học Kinh Bắc

Trụ sở chính: Phù Chẩn, Từ Sơn, Bắc Ninh

Cơ sở đào tạo: Phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Trang thông tin điện tử: www.ukb.edu.vn, www.daihockinhbac.edu.vn

Sứ mệnh: Trường Đại học Kinh Bắc là trường Đại học đào tạo đa ngành, cung ứng nguồn nhân lực trình độ cao, nghiên cứu Khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực Du lịch là thế mạnh mũi nhọn, phục vụ cho sự nghiệp phát triển KT – XH của đất nước và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, Trường được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo một tỷ lệ cho những sinh viên khuyết tật. Đây là trường Đại học đầu tiên trong cả nước và khu vực thực hiện nghĩa vụ nhân đạo cao đẹp đó.

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên cao học	ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành/ Nhóm ngành I *								
Khối ngành II			55					
Khối ngành III		90	917					
Khối ngành IV								
Khối ngành V			578					
Khối ngành VI								
Khối ngành VII			445					
Tổng		90	1995					

- Căn cứ vào kết quả học tập ở Lớp 12 bậc THPT để xét tuyển 60% chỉ tiêu tuyển sinh.

2.3.1. Sử dụng kết quả kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia tại các cụm thi Đại học để xét tuyển.

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: dành 40% chỉ tiêu được xác định để xét tuyển.

b) Nhóm các môn thi (tổ hợp) để xét tuyển vào các ngành học theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tên Trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn xét tuyển	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC	UKB				
Các ngành đào tạo Đại học:					
1.Kế toán		7340301	1- Toán , Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3-Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4-Toán, Ngữ văn, Địa lý	200	
2. Tài chính - Ngân hàng		7340201	1- Toán , Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3-Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4-Toán, Ngữ văn, Địa lý	50	
3. Quản trị kinh doanh		7340101	1- Toán , Vật lí, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3-Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4-Toán, Ngữ văn, Địa lý.	100	
4. Quản trị dịch vụ Du lịch và Lễ hành.		7810103	1- Toán , Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3-Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4- Văn, Lịch sử, Địa lý.	150	
5. Ngôn ngữ Anh		7220201	1-Toán, Văn, Tiếng Anh. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh. 3-Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 4-Toán, Địa lý, Tiếng Anh.	100	

6. Luật Kinh tế		7380107	1- Toán , Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3-Toán, Ngữ văn,Tiếng Anh 4- Văn, Lịch sử, Địa lý.	50	
7. Quản lý Nhà nước		7310205	1- Toán , Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3-Toán, Ngữ văn,Tiếng Anh 4- Văn, Lịch sử, Địa lý.	50	
8. Công nghệ thông tin		7480201	1- Toán , Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3-Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4-Toán, Ngữ văn, Địa lý	200	
9. Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông		7510302	1- Toán , Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Anh 3-Toán, Vật lí, Anh 4-Toán, Ngữ văn, Địa lý	100	
10. Quản lý xây dựng		7580302	1- Toán , Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3-Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4-Toán, Ngữ văn, Địa lý	30	
11. Kiến trúc		7580101	1-Toán , Lý, Vẽ Mỹ thuật. 2- Toán, Hóa, Vẽ Mỹ thuật. 3- Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật. 4- Toán, Anh văn, Vẽ Mỹ thuật	30	
12. Thiết kế đồ họa		7210403	1-Ngữ văn và các môn Hình họa	50	
13.Thiết kế thời trang		7210404	1-Ngữ văn và các môn Hình họa.	50	
14. Thiết kế nội thất		7580108	1-Ngữ văn và các môn Hình họa .	40	

c) Tiêu chí xét tuyển

- Thí sinh thi kỳ thi THPT quốc gia đã đủ điều kiện tốt nghiệp THPT.
- Kết quả thi của tổ hợp các môn trên cơ sở ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu là 15 điểm .
- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện.

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được xác định, kết quả thi của thí sinh và chính sách ưu tiên, Trường xây dựng điểm trúng tuyển theo từng ngành/nhóm ngành đào tạo và xét hết nguyện vọng 1 sẽ tiếp tục xét đến nguyện vọng 2.

*** Các ngành năng khiếu**

- **Môn văn hóa:** Ứng với môn đã dự thi qua kì thi THPT quốc gia, kết quả đảm bảo ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 5 điểm

- **Môn năng khiếu:** Tổ chức thi hoặc sử dụng kết quả của những thí sinh dự thi vào các trường đại học có cùng môn thi theo ngành học đã quy định.

- Cách xét tuyển:

Điểm XT = Điểm thi (ứng với từng môn văn hóa) + Điểm năng khiếu (nhân hệ số 2) + Điểm UT theo quy định, xếp thứ tự từ trên xuống đến đủ chỉ tiêu được xác định.

2.3.2. Sử dụng kết quả học tập ở bậc THPT để xét tuyển

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: dành 60% chỉ tiêu được xác định để xét tuyển.

b) Thí sinh có thể ĐKXT vào học các ngành của Nhà trường .

c - Tiêu chí xét tuyển

- Thí sinh thi kỳ thi THPT quốc gia đã đủ điều kiện tốt nghiệp THPT, học lực trung bình và hạnh kiểm khá trở lên để xét vào hệ đại học.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có).

2.4. Hồ sơ xét tuyển

a) Đối với xét tuyển bằng kết quả thi THPT

Thí sinh điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển và nộp cho Nhà trường cùng với phí xét tuyển bằng các phương thức: trực tiếp tại trường, online hoặc chuyển qua Bưu điện.

b) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- Đơn xin xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Kinh Bắc

- Học bạ Gốc của 3 năm học THPT .

2.5. Đăng ký xét tuyển:

Thí sinh có thể cùng lúc nộp hồ sơ ĐKXT cho 02 ngành.

Thí sinh có thể ĐKXT các đợt bổ sung cho các đợt trong năm 2019.

2.6. Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển và công bố kết quả

a) Đối với xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia:

Theo lịch tuyển sinh của Bộ GD &ĐT và Công bố điểm chuẩn vào trường trước ngày 05 tháng 8 năm 2019.

b) Đối với xét tuyển bằng kết quả học tập THPT

Thời gian ĐKXT bắt đầu từ ngày 01/8/ 2019.

Địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trường, đăng ký trực tuyến trên Website hay gián tiếp (qua bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh)

- Công bố kết quả xét tuyển: sau 1 tuần kể từ ngày nhận hồ sơ của mỗi đợt xét tuyển.

- Kết quả thí sinh trúng tuyển thường xuyên cập nhật trên Website của Trường.

- Thời gian nhập học: Từ tháng 8/2019 .

- Theo Quy định của Bộ GD & ĐT Nhà trường thực hiện công bố kết quả tuyển sinh vào cuối các tháng chẵn trong năm tức là trước các ngày 1 của tháng 3.5.7.9.11 hàng năm.

2.7. Quy trình xét tuyển.

a) Đối với các ngành xét tổ hợp các môn văn hóa

- Bước 1: Thành lập Hội đồng xét tuyển và các Ban phục vụ xét tuyển, Ban Thanh tra.

- Bước 2: Tổng hợp hồ sơ của thí sinh đăng ký.

- Bước 3: Nhập dữ liệu, thống kê các điều kiện xét tuyển.

- Bước 4: Họp Hội đồng xét tuyển.

- + Xét theo nguyện vọng của thí sinh đã đủ các điều kiện của Nhà trường.

- + Ưu tiên thí sinh chọn ngành 1 hay đăng ký chọn ngành 2 (Xếp thứ tự từ trên xuống theo chỉ tiêu được xác định nếu còn chỉ tiêu)

- + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có).

- Bước 5: Tổng hợp và công bố kết quả xét tuyển.

- Bước 6: Thông báo kết quả xét tuyển và gửi Giấy báo nhập học, cụ thể:

+ Cập nhật dữ liệu ĐKXT lên hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia theo quy định của Bộ GD & ĐT tới khi kết thúc mỗi đợt xét tuyển.

+ Công bố trên trang thông tin điện tử, Website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng, điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển đồng thời báo cáo về Bộ GDĐT.

+ Gửi giấy báo nhập học cho những thí sinh trúng tuyển theo địa chỉ của thí sinh đã cung cấp.

b) Đối với các ngành năng khiếu:

- Môn văn hóa có điểm TB từ 5,0 điểm trở lên trong quá trình học THPT ứng với môn xét tuyển.

- Điểm các môn năng khiếu: sử dụng kết quả thi vào đại học của các trường đại học có tổ chức thi các môn năng khiếu mà trường xét tuyển.

- Tổ chức thi môn năng khiếu cho thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào trường .

- Cách tính điểm xét tuyển:

$\sum \text{môn 1} + \sum \text{môn 2} + \text{môn năng khiếu (hệ số 2)} + \text{Điểm UT (điểm môn năng khiếu trường sẽ xác định, đảm bảo điều kiện tối thiểu để xét tuyển)}$.

Tổng hợp và xếp thứ tự từ trên xuống phù hợp với chỉ tiêu đã công bố.

2.8. Chính sách ưu tiên

- Thí sinh là các học sinh khuyết tật đã tốt nghiệp THPT.

- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh Đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển và được nhận chính sách ưu tiên của Nhà trường.

2.9. Lệ phí tuyển sinh

Thực hiện theo quy định hiện hành về phí tuyển sinh của nhà nước.

2.10. Học phí dự kiến: 1.320.000/tháng

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Đợt 1: Từ ngày 01/8/2019 tới ngày 12/8/2019

Đợt 2: Từ ngày 13/8/2019 tới ngày 23/8/2019

Đợt 3: Từ ngày 24/8/2019 cho các đợt tiếp theo tới hết ngày 30/12/2019.

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Nội dung	Diện tích sàn xây dựng(m ²)
1/ Tổng diện tích đất sử dụng của Trường đã có	13.220
2/ Hội trường, giảng đường, phòng học các loại (m2)	7.850
3/ Thư viện, trung tâm tin học (m2)	1.300
4/ Phòng đọc trong thư viện/trung tâm học liệu (m2)	1.500
5/ Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập	1.570
6/ Nhà tập đa năng, sân thể thao (m2)	2.500
7/ Tổng số đầu sách, tài liệu in	6.100
8/ Tổng số đầu sách, tài liệu điện tử	1.200
9/ Ký túc xá sinh viên	3500

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ Nhóm ngành	GS.TS/ GS.TS KH	PGS.TS/ PGS.TSK H	TS	ThS	ĐH	CD
Khối ngành I						
Ngành 1...						
Ngành 2...						
Tổng của khối ngành/Nhóm ngành						
Khối ngành II						
Nguyễn Văn Than			X			
Đỗ Thiên Du			X			
Nguyễn Thị Đăng				X		
Vũ Tiến Lợi				X		
Nguyễn Thị Minh Thuý				X		
Nguyễn Xuân Tiến				X		
Nguyễn Lê Mai				X		
Nguyễn Sao Mai				X		
Trung Quang Thành				X		

Vũ Hòa Long				X		
Nguyễn Minh Kiên				X		
Trần Anh Tuấn				X		
Nguyễn Minh Nguyệt				X		
Ngô Thị Thủy Thu				X		
Bùi Thị Phụng				X		
Nguyễn Bích Nhung				X		
Lê Phương Anh				X		
Nguyễn Thu Huyền				X		
Phạm Đắc Hiền			X			
Tổng của khối ngành			3	16		
Khối ngành III						
Nghiêm Văn Dĩnh	X					
Nguyễn Quang Quynh	X					
Đoàn Xuân Tiếp						
Bùi Huy Thảo		X				
Trần Ngọc Phác		X				
Phạm Thị Gái		X				
Ngô Kim Thanh		X				
Phạm Văn Chóng			X			
Hoàng Trần Đồng			X			
Lê Thị Thanh				X		
Lê Thị Cách				X		
Mai Xuân Được				X		
Đỗ Hồng Quân			X			
Vũ Ngọc Khuê				X		
Đoàn Xuân Tĩnh				X		
Đoàn Xuân Toàn				X		
Nguyễn Thị Thìn				X		
Nguyễn Đình Dũng				X		
Nguyễn Thị Huệ				X		
Nguyễn Thị Nguyên				X		
Vũ Sơn Hằng				X		
Bùi Thị Bích Hà				X		
Trần Nguyễn Ngọc Cương				X		
Nguyễn Thị Vân Anh				X		
Nguyễn Thị Minh Châu				X		
Đoàn Hà Chi				X		
Trần Thị Lộc				X		
Nguyễn Thu Hương				X		
Nguyễn Thị Hưng				X		
Nguyễn Văn Ngọc		X				

Trần Quốc Tịch				X		
Vũ Văn Cường				X		
Nguyễn Thị Thảo				X		
Nguyễn Thị Tuyết Hồng				X		
Vũ Văn Mộc			X			
Dương Quỳnh Hoa			X			
Nguyễn Trịnh Kiểm			X			
Đặng Tất Tùng				X		
Đỗ Thị Hường				X		
Hoàng Việt Biên			X			
Vũ Ngọc Khuê				X		
Vũ Huy Thắng				X		
Nguyễn Bá Vy			X			
Nguyễn Văn Thất			X			
Nguyễn Thị Hương				X		
Lê Sỹ Thiệp	X					
Nguyễn Thị Thúy				X		
Trần Hữu Nam				X		
Đinh Quang Tuấn				X		
Trần Văn Hùng				X		
Nguyễn Hữu Tài			X			
Hoàng Minh Trang				X		
Lê Đức An				X		
Tổng của khối ngành	3	5	10	34		
Khối ngành IV						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành V						
Lê Hồng Kế	X					
Trần Hữu Uyên	X					
Nguyễn Đình Cống	X					
Lâm Quang Cường	X					
Đỗ Hậu		X				
Vũ Thị Vinh		X				
Trần Đức Dục		X				
Phương Xuân Nhàn		X				
Bùi Văn Yên		X				
Vũ Văn Hiếu		X				
Trần Thị Hường		X				
Đỗ Đức Viêm		X				
Phạm Kim Giao		X				
Hà Minh Hùng		X				

Phan Bá		X				
Trần Vĩnh Hưng		X				
Nguyễn Hữu Bình		X				
Nguyễn Ngọc Trường		X				
Hà Thị Thu Lan			X			
Lê Minh Hiếu			X			
Nguyễn Viết Nguyên			X			
Bùi Đức Hải			X			
Bùi Ngọc Giáo			X			
Đặng Văn Dừa			X			
Nguyễn Văn Sinh			X			
Dương Ngọc Tước			X			
Đặng Thị Huệ				X		
Lê Nho Bội				X		
Mai Văn Quý				X		
Nguyễn Văn Định				X		
Lê Tân Phương				X		
Đặng Sỹ Vạc				X		
Thái Vinh Hiền				X		
Nguyễn Ngọc				X		
Nguyễn Khuyến				X		
Nguyễn Quang Huy				X		
Lê Huy Cứ				X		
Trần Huy Thông				X		
Phạm Thị Thơm				X		
Nguyễn Khắc Hưng				X		
Đỗ Xuân Trung				X		
Nguyễn Văn Doanh				X		
Nguyễn Quý Phong				X		
Dương Văn Long				X		
Trần Duy Hưng				X		
Hồ Khánh Lâm			X			
Tổng của khối ngành	4	14	9	19		
Khối ngành VII						
Cao Văn Bản			X			
Lê Tự Tiến			X			
Phạm Đăng Quyết			X			
Lê Thị Hồng Yên			X			
Nguyễn Văn Chân			X			
Lê Văn Học		X				
Lê Văn Dương			X			
Đỗ Thanh Sơn				X		

Vũ Thị Minh Hiền				X		
Nguyễn Thị Hiền				X		
Nguyễn Thị Ngọc Bích				X		
Trần Diệu Hương				X		
Nguyễn Thị Lan Hương				X		
Nguyễn Hà Phương				X		
Phan Thanh Mai				X		
Nguyễn Thị Khánh				X		
Nguyễn Thị Phương				X		
Ngô Thị Ngọc Anh			X			
Nguyễn Thị Tứ				X		
Trần Diễm Hằng				X		
Lê Trung Thu				X		
Vũ Đình Thuyền				X		
Đỗ Thị Thùy Trang				X		
Lê Thị Thủy				X		
Lê Thùy Dương				X		
Nguyễn Thị Bưởi				X		
Bùi Phương Thảo				X		
Nguyễn Thị Xoan				X		
Lê Thị Thu Quỳnh				X		
Mạc Thị Huyền				X		
Nguyễn Thị Chi Mai				X		
Phạm Thùy Dương				X		
Lê Thị Hồng				X		
Tổng của khối ngành	0	1	7	25		
GV các môn chung						
Nguyễn Văn Hảo		X				
Nguyễn Thế Hình		X				
Đoàn Nhượng		X				
Lê Văn Năm		X				
Trần Trọng Nghĩa			X			
Nguyễn Tuệ			X			
Hoàng Ngọc Tiếp				X		
Lê Thị Thu				X		
Bùi Thị Hương Giang				X		
Lương Mạnh Bá				X		
Đỗ Văn Uy				X		
Tô Bá Hạ				X		
Nguyễn Quốc Trân				X		
Trần Thị Kim Thanh				X		

Nguyễn Thị Minh Phượng				X		
Đàm Quốc Việt				X		
Vũ Đức Huân				X		
Đàm Chính Tâm				X		
Bùi Thị Hoà				X		
Trần Ngọc Tiến				X		
Tổng của khối ngành		4	2	14		
Tổng số giảng viên toàn trường	7	24	31	108		

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành/-Nhóm ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	
Khối ngành II						
Đỗ Việt Hưng			X			
Quách Hiền Hòa			X			
Nguyễn Văn Hòa				X		
Đoàn Như Cương				X		
Toàn Hồng Lư				X		
Nguyễn Hồng Ngọc				X		
Nguyễn Văn Long				X		
Trần Ngọc Anh				X		
Nguyễn Đức Giang				X		
Nguyễn Hồng Ngọc				X		
Lưu Hoàng Minh				X		
Tổng của khối ngành						
Khối ngành III			2	9		
Nguyễn Văn Điệp		X				
Nguyễn Thị Đông		X				
Nguyễn Thị Mai		X				
Ngô Kim Thanh		X				
Trần Xuân Hòe		X				
Nghiêm Văn Lợi		X				
Nguyễn Thị Huyền Anh		X				
Nguyễn Thị Hải Vân		X				
Nguyễn Ngọc Trường		X				
Trần Trung Tuấn			X			
Lưu Tuấn Hiếu			X			
Lê Thị Thu Trang			X			
Bùi Duy Hưng			X			
Phan Thị Thu Hiền			X			

Nguyễn Thị Kim Nhung			X			
Ngô Thu Hoàng			X			
Nguyễn Cao Ý			X			
Nguyễn Thị Tuyết			X			
Nguyễn Thanh Huyền			X			
Nguyễn Việt Hà			X			
Bùi Thị Mến			X			
Phạm Thị Hoa			X			
Đinh Viết Lực			X			
Trần Văn Hùng			X			
Đinh Quang Tuấn			X			
Nguyễn Văn Hùng			X			
Lê Thị Tú Anh			X			
Đặng Thị Thúy Hồng			X			
Đoàn Thục Quyên			X			
Nguyễn Thị Kim Anh			X			
Phan Thị Thu Hiền						
Hoàng Trọng Thanh				X		
Lê Quang Anh				X		
Vũ Quỳnh Vân				X		
Đinh Thị Hòa				X		
Hoàng Thị Hường				X		
Đinh Duy Thanh				X		
Nguyễn Thị Xuân Dung				X		
Tạ Thị Liễu				X		
Đinh Văn Chức				X		
Nguyễn Thị Trang				X		
Trần Thị Bích Ngà				X		
Đoàn Thục Quyên				X		
Bùi Thị Lan Hương				X		
Nguyễn Thanh Vân				X		
Nguyễn Thị Hương				X		
Trần Thị Hồng Huệ				X		
Nguyễn Thị Hương				X		
Vũ Thị Thu Hà				X		
Nguyễn Thị Việt Hà				X		
Vũ Thị Minh Hiền				X		
Nguyễn Thị Đan Phương				X		
Bùi Hương Giang				X		
Nguyễn Thị Thu				X		
Ngô Thị Thu Giang				X		
Lê Thị Thu Trang				X		

Nguyễn Minh Thu				X		
La Ngọc Thăng				X		
Lê Thị Thanh				X		
Nguyễn Thị Thúy				X		
Nguyễn Thị Tế				X		
Phạm Đình Dũng				X		
Trần Hải Yến				X		
Nguyễn Tuấn Anh				X		
Tô Thị Thiên Hương				X		
Nguyễn Tuyết Mai				X		
Trần Đình Vân				X		
Trần Thị Kim Liên				X		
Nguyễn Thị Hào				X		
Phạm Thị Lý				X		
Nguyễn Thị Huế				X		
Nguyễn Ngọc Quang				X		
Nguyễn Thị Thu Hương				X		
Nguyễn Thị Khánh				X		
Nguyễn Thị Huệ				X		
Lê Tự Tiên				X		
Bùi Thị Bích Hà				X		
Bùi Lan Hương				X		
Hoàng Hòa Bình				X		
Đinh Duy Thanh				X		
Dương Huy Tính				X		
Lê Danh Lượng				X		
Nguyễn Ngọc Đức				X		
Tổng của khối ngành		9	21	52		
Khối ngành IV						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành V						
Nguyễn Diệu Linh			X			
Nguyễn Quý Sĩ			X			
Dương Ngọc Tước			X			
Bùi Văn Công				X		
Ngô Văn Đức				X		
Nguyễn Thu Vân				X		
Lương Chí Thiện				X		
Nguyễn Thị Mười Phương				X		
Lê Huy Cường				X		
Lê Tuấn Đạt				X		

Ngô Sách Đăng				X		
Vũ Thị Thương				X		
Giáp Văn Dương				X		
Nguyễn Ngọc Đức				X		
Phạm Đức Khánh				X		
Nguyễn Thị Hồng Nhung				X		
Nguyễn Khải Hoàn				X		
Thạc Bình Cường				X		
Ngô Thanh Hào				X		
Hoàng Anh Dũng				X		
Lương Mạnh Bá				X		
Lưu Hoàng Minh				X		
Bùi Thị Hòa				X		
Phạm Thị Thơm				X		
Giang Thị Thu Huyền				X		
Vũ Duy Hiến				X		
Nguyễn Thanh Thụy				X		
Trần Thị Dung				X		
Phạm Thị Vân Khánh				X		
Lưu Hoàng Minh				X		
Nguyễn Minh Kiên				X		
Đỗ Việt Hưng				X		
Đoàn Hồng Lư				X		
Tổng của khối ngành			3	30		
Khối ngành VII						
Bùi Xuân Đỉnh		X				
Vũ Minh Tuyên			X			
Vũ Thị Lan Hương			X			
Nguyễn Thị Thanh Huyền			X			
Nguyễn Minh Hà			X			
Bùi Thị Thùy Nhi			X			
Phạm Khánh Huyền			X			
Trương Tuyết Minh			X			
Lê Thị Hằng			X			
Hoàng Văn Chung			X			
Dương Quỳnh Hoa			X			
Trần Hồng Nhung			X			
Nguyễn Thành Nam			X			
Nguyễn Thị Tám			X			
Vũ Văn Tuấn			X			
Nguyễn Văn Thảo				X		
Đỗ Thiệu Dụng				X		

Lê Văn Điều				X		
Nguyễn Ngọc Lan				X		
Phùng Thị Kim Anh				X		
Lê Phương Dung				X		
Đoàn Hữu Huân				X		
Nguyễn Ngọc Linh				X		
Trần Trọng Lưu				X		
Lê Thị Anh				X		
Vũ Thanh Ngọc				X		
Nguyễn Thị Xuân				X		
Đoàn Bích Hồng				X		
Nguyễn Thùy Thương				X		
Đỗ Thị Thanh Loan				X		
Vũ Minh Hòa				X		
Phạm Thanh Hoàn				X		
Nguyễn Phương Anh				X		
Nguyễn Thị Phương Thúy				X		
Lê Kim Dung				X		
Trần Thu Hào				X		
Nguyễn Kim Thìn				X		
Tạ Thị Liễu				X		
Đỗ Thị Minh				X		
Nguyễn Minh Hồng				X		
Vũ Thị Thùy Dung				X		
Nguyễn Thị Đan Phương				X		
Cao Thị Lê Thương				X		
Nguyễn Thị Thục				X		
Chu Thị Thanh An				X		
Lương Văn Liệu				X		
Nguyễn Thị Khuyên				X		
Nguyễn Kim Anh				X		
Phạm Quốc Vinh				X		
Đinh Thị Mừng				X		
Hoàng Thị Hường				X		
Nguyễn Thị Thu Hằng				X		
Nguyễn Tuyết Mai				X		
Vũ Văn Cường				X		
Vũ Sơn Hằng				X		
Cao Thị Xuân Hạnh				X		
Nguyễn Lan Anh				X		
Nguyễn Thị Hiền Thanh				X		
Kim Ngọc Anh				X		

Đoàn Bích Hồng				X		
Nguyễn Thị Hằng				X		
Nguyễn Thị Diệp				X		
Nguyễn Thị Huyền				X		
Nguyễn Thị Yên				X		
Nguyễn Kim Vân				X		
Nguyễn Thị Thủy				X		
Đinh Thị Bắc Bình				X		
Đỗ Thị Tuyết				X		
Cao Thị Tú				X		
Vũ Thị Minh Hiền				X		
Đặng Hồng Anh				X		
Nguyễn Tuyết Mai				X		
Vũ Thu Hà				X		
Cao Thị Xuân Hạnh				X		
Lê Thị Thúy Hà				X		
Tổng của khối ngành		1	14	60		
Tổng số giảng viên toàn trường		10	40	151		

5. Tình hình việc làm

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm trong 1 năm kể từ khi tốt nghiệp		
	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP
Khối ngành/ Nhóm ngành												
Khối ngành II	150			30			20			16		
Khối ngành III	350			320			280			250		
Khối ngành IV												
Khối ngành V	400			250			217			200		
Khối ngành VI												
Khối ngành VII	500			135			128			120		
Tổng	1400			735			645			586		

6. Tình hình tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp của trường trên năm: 13.904.239.300 đồng

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 03 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TSKH.NGND Nghiêm Văn Dĩnh

V
NG
CC
BAC

6. Tình hình tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp của trường trên năm: 13.904.339.300 đồng

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 03 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TSKH.NGND Nguyễn Văn Đình

Số: 262/TB-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019

1. Ngành xét tuyển

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu	Môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Các ngành đào tạo đại học			1.300		
1	Kế toán	7340310	400	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
2	Tài chính – Ngân hàng	7340201		1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
3	Quản trị kinh doanh	7340101		1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
4	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	7340103	400	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Ngữ văn, Lịch sử, Đại lý	A00 D01 A01 C00
5	Ngôn ngữ Anh	7220201		1- Toán, Văn, Tiếng Anh 2- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 3- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 4- Toán, Địa lý, Tiếng Anh	D01 A01 D14 D10

6	Luật kinh tế	7380107	150	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Văn, Lịch sử, Đại lý	A00 D01 A01 C00
7	Quản lý nhà nước	7310205		1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Ngữ văn, Lịch sử, Đại lý	A00 D01 A01 C00
8	Công nghệ thông tin	7480201	200	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
9	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	7510302		1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
10	Quản lý xây dựng	7580302	100	1- Toán, Vật lý, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lý, Tiếng Anh 4- Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 D01 A01 C04
11	Kiến trúc	7580102		1- Toán, Lý, Vẽ Mỹ thuật 2- Toán, Hóa, Vẽ Mỹ thuật 3- Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật 4- Toán, Ngoại ngữ, Vẽ Mỹ thuật	V00 V01 V02 V03
12	Thiết kế đồ họa	7210403	50	Ngữ văn và các môn Hình họa	
13	Thiết kế thời trang	7210404		Ngữ văn và các môn Hình họa	
14	Thiết kế nội thất	7210405		Ngữ văn và các môn Hình họa	

2. Phương thức tuyển sinh

Thí sinh chọn 1 trong 2 phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia. Tổng điểm 3 môn thi (theo tổ hợp quy định) đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng bộ GD&ĐT quy định.

3. Cách thức nộp hồ sơ xét tuyển:

Thí sinh chọn 1 trong 3 cách sau

Cách 1: Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website của trường

Daihockinhbac.edu.vn

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển bằng cách điền đầy đủ thông tin trên trang tuyển sinh

- Nhà trường sẽ gọi điện thông báo trực tiếp.

Cách 2: Gửi hồ sơ qua bưu điện.

- Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển qua bưu điện đến các văn phòng tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Kinh Bắc theo địa chỉ: Ban Tuyển sinh – Trường Đại học Kinh Bắc, Phố Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

- Nhà trường sẽ gửi Giấy xác nhận cho thí sinh theo địa chỉ đã ghi trong Hồ sơ đăng ký xét tuyển.

Cách 3: Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại văn phòng tuyển sinh.

- Thí sinh có thể đến trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp Trường Đại học Kinh Bắc theo địa chỉ: Ban Tuyển sinh – Trường Đại học Kinh Bắc, Phố Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

- Tất cả thí sinh hoàn thành Hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp sẽ được nhận Giấy xác nhận ngay khi hoàn thiện thủ tục đăng ký.

- Số điện thoại liên hệ: 0868666355 – 0868666357.

4. Thời gian xét tuyển:

Từ ngày 13/8/2019 đến 29/8/2019

5. Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

1) Phiếu ĐKXT

2) Bản gốc học bạ THPT

3) Giấy CNTN tạm thời hoặc bản sao bằng TN

4) Giấy CN kết quả thi THPT Quốc gia



THÔNG TIN



- 4) Giấy CN kết quả thi THPT Quốc gia
- 5) Giấy CN từ quan báo cáo vào phòng TN
- 6) Bản gốc học bạ THPT

- 7) Phôi ĐKXT
- 8. Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

Trên ngày 12/03/2019 đến 23/03/2019

- 9. Thời gian xét tuyển:

Số điện thoại liên hệ: 0858666322 – 0862566322

nhân ngày khi hoàn thiện hồ sơ đăng ký

- Tất cả thí sinh hoàn thành hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp sẽ được nhận Giấy xác
- Phúc Sơn, Phường Võ Ninh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trường Đại học Kinh Bắc theo địa chỉ: Học Trường sinh và Học tác Đoàn nghiệp
- Thí sinh có thể đăng ký tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh và Học tác Đoàn nghiệp
- Cách 3: Đăng ký xét tuyển trực tiếp tại văn phòng tuyển sinh.

ký xét tuyển

- Nhà trường sẽ gửi Giấy xác nhận cho thí sinh theo địa chỉ ghi trong Hồ sơ đăng
- Kinh Bắc, Phố Phúc Sơn, Phường Võ Ninh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- sinh của Trường Đại học Kinh Bắc theo địa chỉ: Học Trường sinh – Trường Đại học
- Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển qua bưu điện đến các văn phòng in vào tuyển
- Cách 2: Gửi hồ sơ qua bưu điện

- Nhà trường sẽ gọi điện thông báo trực tiếp

truyền sinh

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển bằng cách điền đầy đủ thông tin trên trang
- Daibackhac.edu.vn
- Cách 1: Đăng ký xét tuyển trực tiếp trên website của trường

Thí sinh chọn 1 trong 3 cách sau

- 3. Cách thức nộp hồ sơ xét tuyển:

học quy định) đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng bộ GDĐT quy định

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia. Tổng điểm 3 môn thi (theo tổ

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT

Thí sinh chọn 1 trong 3 phương thức sau:

3. Phương thức tuyển sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

---***---

Số: 135/QĐ-ĐHKB

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

Bắc Ninh, ngày 2 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy và Ban thư ký
Hội đồng năm 2019 Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/03/2018 sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi bổ sung tại thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học hệ chính quy và Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng năm 2019 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng Tuyển sinh và Ban Thư ký chịu trách nhiệm tổ chức Kỳ thi tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019 đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn



được quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế của Nhà trường.

Điều 3. Trường các phòng, khoa, trung tâm, viện trong Trường và các ông (Bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



GS.TSKH NGND Nghiêm Văn Dĩnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

---***---

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
VÀ BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-ĐHKB ngày 2 tháng 3 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

1. Danh sách Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy năm 2019

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chức danh trong Hội đồng TS
1	GS.TSKH. Nghiêm Văn Dĩnh	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐTS
2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Trường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
3	ThS. Đoàn Xuân Toàn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
4	ThS Nguyễn Thị Minh Châu	Phó Hiệu trưởng Phó Trưởng Phòng QLĐT	Ủy viên thường trực
5	ThS Nguyễn Đình Dũng	TP KT&ĐBCLGD	Ủy viên
6	TS Đặng Văn Dừa	TP Quản lý Đào tạo	Ủy viên
7	TS. Hồ Khánh Lâm	Trưởng khoa CNTT – ĐTTT	Ủy viên
8	PGS. TS Ngô Kim Thanh	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
9	TS Nguyễn Đức Thắng	Viện trưởng Viện Du lịch	Ủy viên
10	TS Trương Tuyết Minh	Trưởng khoa Ngôn ngữ	Ủy viên
11	ThS Đỗ Xuân Trung	Phó khoa CNTT – ĐTTT	Ủy viên
12	ThS Lương Ninh Giang	Giám đốc TTTS&HTDN	Ủy viên

Danh sách gồm 12 người.

2. Danh sách Ban Thư ký Hội đồng năm 2019

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chức danh trong Hội đồng TS
1	ThS Nguyễn Thị Minh Châu	Phó Hiệu trưởng Phó Trưởng Phòng QLĐT	Trưởng ban
2	Lê Thị Tuyết Mai	PTP KT&ĐBCLGD	Ủy viên Thường trực
3	Nguyễn Minh Thương	Phòng QLĐT	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phòng QLĐT	Ủy viên
5	Nguyễn Huy Hoàng	Phòng QLĐT	Ủy viên

Danh sách gồm 5 người.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
VÀ BAN THỦ KỲ HỘI ĐỒNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ-ĐHKB ngày 2 tháng 3 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

1. Danh sách Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy năm 2019

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chức danh
1	GS.TSKH. Nguyễn Văn Đình	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐTS
2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Trường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
3	ThS. Đoàn Xuân Toàn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
4	ThS. Nguyễn Thị Minh Châu	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên thường trực
5	ThS. Nguyễn Đình Dũng	TP KT&B&C&D	Ủy viên
6	TS Đặng Văn Dya	TP Quản lý Đào tạo	Ủy viên
7	TS Hồ Khánh Lâm	Trưởng khoa CNTT – DTT	Ủy viên
8	PGS.TS Ngô Kim Thanh	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
9	TS Nguyễn Đức Thắng	Viện trưởng Viện Dữ liệu	Ủy viên
10	TS Trương Tuyết Minh	Trưởng Khoa Ngôn ngữ	Ủy viên
11	ThS Đỗ Xuân Trung	Phó khoa CNTT – DTT	Ủy viên
12	ThS Lương Ninh Cường	Giám đốc TT&S&H-DN	Ủy viên

Danh sách gồm 12 người.

2. Danh sách Ban Thủ kỳ Hội đồng năm 2019

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chức danh
1	ThS. Nguyễn Thị Minh Châu	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐTS
2	ThS. Nguyễn Thị Thanh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
3	ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	ThS. Nguyễn Thị Thanh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên

Danh sách gồm 4 người.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-ĐHKB ngày 17 tháng 6 năm 2012 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế thi trung học phổ thông Quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ công văn số 1732/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 14/3/2015 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc triển khai thực hiện đề án tự chủ tuyển sinh;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học (gọi tắt là Hội đồng Tuyển sinh) năm 2018 của Trường Đại học Kinh Bắc (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh năm 2018 của Trường Đại học Kinh Bắc thực hiện theo điều 08, Chương II, Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT.

Hội đồng Tuyển sinh năm 2018 của Trường Đại học Kinh Bắc làm việc từ ngày có quyết định thành lập và chấm dứt hoạt động khi hoàn thành công tác tuyển sinh năm 2018, do Hiệu trưởng quyết định.

Số: 199/OD-BKH

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019

HIỆN TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 32/WOĐ-TT ngày 26 tháng 03 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-BKH ngày 17 tháng 6 năm 2012 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế thi tuyển học sinh vào các trường đại học và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 20/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 1732/BCHĐT-KTĐC/GD ngày 14/3/2018 của Công đoàn trường Đại học Kinh Bắc về việc triển khai thực hiện đề án tuyển sinh đại học;

Thực hiện nghị quyết của Hội đồng Trường Đại học Kinh Bắc;

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc.

Điều 1: Thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Điều 2: Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Điều 3: Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Điều 4: Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Điều 5: Hội đồng Tuyển sinh đại học 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Điều 3: Hội đồng Tuyển sinh năm 2018, Phòng Quản lý đào tạo, các phòng, ban liên quan và các ông bà có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT,
- HĐTS;
- Phòng QLĐT, TCHC;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



GS.TSKH.NGND Nghiêm Văn Dĩnh



Phần 3: Hội đồng Tuyển sinh năm 2018, Phòng Quản lý đào tạo, các
phòng, ban liên quan và các ông bà có tên trong danh sách kèm theo chịu trách
nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG



Nơi nhận:

HĐQT

HĐTS

Phòng QLĐTCHC

Nơi khác:

Chức vụ:

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2019

(Danh sách kèm theo Quyết định số **199** /QĐ-TS ngày **15** tháng **05** năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Hội đồng TS
1.	GS.TSKH Nghiêm Văn Dĩnh	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐTS
2.	ThS Đoàn Xuân Tiếp	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch TTHĐTS
3.	PGS.TS Trần Đức Dục	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
4.	PGS.TS Nguyễn Ngọc Trường	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
5.	ThS Đoàn Xuân Toàn	Giám đốc TT TDC Phó Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên TTPT phần mềm TS
6.	Ông Đặng Sỹ Sảo	Bí thư Chi bộ	Ủy viên
7.	ThS Nguyễn Thị Minh Châu	Trưởng phòng TCHC	Ủy viên
8.	GS.TS Nguyễn Quang Quynh	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
9.	ThS Nguyễn Đình Dũng	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
10.	TS Đặng Văn Dừa	Phó Trưởng Khoa KT&QLXD	Ủy viên
11.	TS Hồ Khánh Lâm	Trưởng khoa CNTT&ĐTTT	Ủy viên
12.	GS.TS Lê Hồng Kế	Trưởng khoa Kiến trúc & QLXD	Ủy viên

ĐANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2019
(Đanh sách kèm theo Quyết định số 499/QĐ-TS ngày 15 tháng 05 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Hội đồng TS
1.	GS.TSKH Nguyễn Văn Đình	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐTS
2.	ThS Đoàn Xuân Tiếp	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch HĐTS
3.	PGS.TS Trần Đức Dục	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
4.	PGS.TS Nguyễn Ngọc Trường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐTS
5.	ThS Đoàn Xuân Toàn	Giám đốc IT TĐC Phó Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên TĐT phần mềm TS
6.	Ông Đặng Sĩ Sào	Bí thư Chi bộ	Ủy viên
7.	ThS Nguyễn Thị Minh Châu	Trưởng phòng TĐTĐ	Ủy viên
8.	GS.TS Nguyễn Quang Quyền	Trưởng Khoa Kinh tế	Ủy viên
9.	ThS Nguyễn Minh Đông	Trưởng phòng	Ủy viên

13.	TS Đỗ Thiên Du	Trưởng khoa Mỹ thuật ứng dụng	Ủy viên
14.	ThS Đỗ Xuân Trung	Phó trưởng Khoa CNTT&ĐTTT	Ủy viên
15.	ThS Nguyễn Văn Doanh	CV phòng QLĐT	Ủy viên
16.	ThS Trần Nguyễn Ngọc Cương	CV phòng QLĐT	Ủy viên
17.	ThS Nguyễn Huy Hoàng	CV phòng QLĐT	Ủy viên
18.	Lê Thị Tuyết Mai	Phó trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên

13.	T.S Đỗ Thiên Du	Trưởng khoa Mỹ thuật ứng dụng	Ủy viên
14.	T.S Đỗ Xuân Trung	Phó trưởng khoa CNTT&ĐT	Ủy viên
15.	T.S Nguyễn Văn Doanh	CV phòng QLĐT	Ủy viên
16.	T.S Trần Nguyễn Ngọc Cường	CV phòng QLĐT	Ủy viên
17.	T.S Nguyễn Huy Hoàng	CV phòng QLĐT	Ủy viên
18.	Lê Thị Tuyết Mai	Phó trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2019 ĐỢT 1

Hôm nay, ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại Phòng họp Trường Đại học Kinh Bắc, Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019 đã tổ chức họp xét công nhận trúng tuyển đợt 1.

I. Thành phần tham dự

1. Ông: Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch HĐTS;
2. Bà: Lê Thị Tuyết Mai – Phó Trưởng phòng KT&ĐBCL – Thư ký HĐTS;
3. Các thành viên của Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019.

II. Nội dung

Xét công nhận thí sinh trúng tuyển đại học đợt 1 năm 2019.

III. Diễn biến cuộc họp

1. Ông Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch HĐTS phát biểu:

- Căn cứ Đề án Tuyển sinh năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc; Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc về điểm trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019, hôm nay Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc tiến hành cuộc họp để xét tuyển cho các thí sinh đăng ký tuyển sinh đợt 1. Các thí sinh đăng ký xét tuyển được xét tuyển theo hai hình thức:

+ Phương thức 1: Xét tuyển theo học bạ kết quả học tập lớp 12 THPT từ 6,0 trở lên;

+ Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng điểm 3 môn thi (theo tổ hợp quy định) đạt từ 15,0 điểm trở lên.

- Thời gian xét tuyển đại học năm 2019 đợt 1 từ ngày 13 tháng 08 năm 2019 đến hết ngày 29 tháng 08 năm 2019.

2. Bà: Lê Thị Tuyết Mai – Phó Trưởng phòng KT&ĐBCL – Thư ký HĐTS thông tin đến các thành viên của Hội đồng:

- Theo danh sách đăng ký xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 1, tổng số thí sinh đăng ký tham gia xét tuyển là 420 thí sinh. Hôm

nay, Hội đồng Tuyển sinh Đại học Trường Đại học Kinh Bắc tiến hành xét tuyển cho 420 thí sinh. Các thí sinh đều được xét tuyển với hai hình thức, hình thức nào có lợi cho thí sinh sẽ được áp dụng.

3. Hội đồng tuyển sinh tiến hành xét tuyển.

4. Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Trưởng Phòng TCHC - Ủy viên phát biểu:

- Sau khi kiểm tra 420 hồ sơ đăng ký tham gia xét tuyển, có 350 hồ sơ đủ điều kiện trúng tuyển, có 70 hồ sơ không đủ điều kiện trúng tuyển. Trong đó:

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành: 149 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Kế toán: 45 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Công nghệ thông tin: 54 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Quản trị kinh doanh: 62 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Ngôn ngữ Anh: 25 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Luật Kinh tế: 02 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Quản lý Nhà nước: 04 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông: 07 thí sinh;

+ Số thí sinh trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 ngành Tài chính-Ngân hàng: 02 thí sinh;

5. Sau thời gian bàn luận, ông Nghiêm Văn Dĩnh đưa ra kết luận như sau:

- Danh sách các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 1: 350 thí sinh. Các thí sinh này trúng tuyển thông qua hai hình thức xét tuyển:

+ Phương thức 1: Xét tuyển theo học bạ kết quả học tập lớp 12 THPT từ 6,0 trở lên;

+ Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng điểm 3 môn thi (theo tổ hợp quy định) đạt từ 15,0 điểm trở lên.

- Kết thúc cuộc họp, Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm tiến hành hoàn thiện biên bản cuộc họp. Ông Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch HĐTS có trách nhiệm ban hành quyết định trúng tuyển cho 350 thí sinh.

IV. Kết luận

Hội đồng nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng Nhà trường công nhận 350 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 1 được nhận Quyết định trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2019 đợt 1 (có danh sách kèm theo).

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h00 cùng ngày./.

THƯ KÝ

Lê Thị Tuyết Mai



GS.TSKH.NGND. Nghiêm Văn Dĩnh



IV. Kết luận

Hội đồng nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng Nhà trường công nhận 350 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt I được nhận Quyết định trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2019 đợt I (có danh sách kèm theo).

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h00 cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THỦ KÝ



GS.TS NGUYỄN VĂN ĐÌNH

Lê Thị Tuyết Mai

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2019 ĐỢT 2

Hôm nay, ngày 14 tháng 9 năm 2019, tại Phòng họp Trường Đại học Kinh Bắc, Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019 đã tổ chức họp xét công nhận trúng tuyển đợt 2.

I. Thành phần tham dự

1. Ông: Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch HĐTS;
2. Bà: Lê Thị Tuyết Mai – Phó Trưởng phòng KT&ĐBCL – Thư ký HĐTS;
3. Các thành viên của Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019.

II. Nội dung

Xét công nhận thí sinh trúng tuyển đại học đợt 2 năm 2019.

III. Diễn biến cuộc họp

1. Ông Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch HĐTS phát biểu:

- Căn cứ Đề án Tuyển sinh năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc; Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc về điểm trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019, hôm nay Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc tiến hành cuộc họp để xét tuyển cho các thí sinh đăng ký tuyển sinh đợt 2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển được xét tuyển theo hai hình thức:

+ Phương thức 1: Xét tuyển theo học bạ kết quả học tập lớp 12 THPT từ 6,0 trở lên;

+ Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng điểm 3 môn thi (theo tổ hợp quy định) đạt từ 15,0 điểm trở lên.

- Thời gian xét tuyển đại học năm 2019 đợt 2 từ ngày 30 tháng 08 năm 2019 đến hết ngày 10 tháng 09 năm 2019.

2. Bà: Lê Thị Tuyết Mai – Phó Trưởng phòng KT&ĐBCL – Thư ký HĐTS thông tin đến các thành viên của Hội đồng:

- Theo danh sách đăng ký xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 2, tổng số thí sinh đăng ký tham gia xét tuyển là 220 thí sinh. Hôm nay, Hội đồng Tuyển sinh Đại học Trường Đại học Kinh Bắc tiến hành xét tuyển

cho 220 thí sinh. Các thí sinh đều được xét tuyển với hai hình thức. Hình thức nào có lợi cho thí sinh sẽ được áp dụng;

3. Hội đồng tuyển sinh tiến hành xét tuyển.

4. Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Trưởng Phòng TCHC - Ủy viên phát biểu:

- Sau khi kiểm tra 220 hồ sơ đăng kí tham gia xét tuyển, có 178 hồ sơ đủ điều kiện trúng tuyển, có 42 hồ sơ không đủ điều kiện trúng tuyển. Trong đó:

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành: 50 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Kế toán: 44 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Công nghệ thông tin: 40 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Quản trị kinh doanh: 27 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Ngôn ngữ Anh: 10 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Luật Kinh tế: 01 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Quản lý Nhà nước: 01 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Quản lý Xây dựng: 01 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông: 03 sinh viên;

+ Số sinh viên trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 ngành Thiết kế Thời trang: 01 sinh viên.

5. Sau thời gian bàn luận, Ông Nghiêm Văn Dĩnh đưa ra kết luận như sau:

- Danh sách các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 2: 178 thí sinh. Các thí sinh này trúng tuyển thông qua hai hình thức xét tuyển:

+ Phương thức 1: Xét tuyển theo học bạ kết quả học tập lớp 12 THPT từ 6,0 trở lên;

+ Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, tổng điểm 3 môn thi (theo tổ hợp quy định) đạt từ 15,0 điểm trở lên.

- Kết thúc cuộc họp, Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm tiến hành hoàn thiện biên bản cuộc họp. Ông Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch HĐTS có trách nhiệm ban hành quyết định trúng tuyển cho 178 thí sinh.

IV. Kết luận

Hội đồng nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng Nhà trường công nhận 178 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 2 được nhận Quyết định trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2019 đợt 2 (có danh sách kèm theo).

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h00 cùng ngày./.

THƯ KÝ

Lê Thị Tuyết Mai

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GS.TSKH. NGND. Nghiêm Văn Dĩnh



IV. Kết luận

Hội đồng nhất trí và đề nghị Hội trường Nhà trường công nhận 178 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học của Trường Đại học Kinh Bắc năm 2019 đợt 2 được nhận Quyết định trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2019 đợt 2 (cô danh sách kèm theo).

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h00 cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ



GS.TSKH NGUYỄN VĂN ĐÌNH

LÀ THỊ TUYẾT MAI

BIÊN BẢN HỌP

***V/v xét tuyển sinh Đợt 1 vào Trường Đại học Kinh Bắc
Hệ Đại học chính quy năm học 2019 - 2020***

Hôm nay, vào lúc 14 giờ, ngày 14 tháng 08 năm 2019, tại Phòng họp Trường Đại học Kinh Bắc, phố Phúc Sơn, P. Vũ Ninh, TP Bắc Ninh tiến hành cuộc họp:

I. Thành phần tham dự:

1. Chủ tọa: Ông Nghiêm Văn Dĩnh – Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh
2. Ông Đoàn Xuân Tiếp – Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh
3. Ông Nguyễn Ngọc Trường – Phó Hiệu trưởng
4. Ông Đoàn Xuân Toàn – Phó Hiệu trưởng
5. Ông Đặng Sỹ Sảo – Bí thư chi bộ
6. Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Trưởng phòng TCHC
7. Ông Nguyễn Quang Quỳnh – Trưởng khoa kinh tế
8. Ông Nguyễn Đình Dũng – Trưởng phòng KT&ĐBCLGD
9. Ông Đặng Văn Dựa- Phó Trưởng khoa KT&QLXD
10. Ông Hồ Khánh Lâm – Trưởng khoa CNTT và ĐTTT
11. Ông Lê Hồng Kế - Trưởng khoa KT&QLXD
12. Ông Đỗ Thiên Du – Trưởng khoa Mỹ thuật ứng dụng
13. Thư kí: Đặng Thị Thu Hoài

II. Nội dung cuộc họp

Xét tuyển sinh vào Trường Đại học Kinh Bắc khoa Ngôn ngữ hệ đại học chính quy năm học 2019 - 2020.

III. Diễn biến cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh Nghiêm Văn Dĩnh:

- Căn cứ Đề án Tuyển sinh và Chỉ tiêu Tuyển sinh năm học 2019 - 2020 của Trường Đại học Kinh Bắc;
- Căn cứ kết quả tuyển sinh cho tới thời điểm hiện tại tháng 8/2018, tổng số học sinh đăng kí các ngành toàn Trường là 521 HS;
- Chủ tịch HĐTS đề nghị các khoa rà soát lại số lượng sinh viên trúng tuyển và ra quyết định trúng tuyển.

2. Các khoa báo cáo số lượng:

BIÊN BẢN HỌP

Kho xã tuyển sinh Đại 1 với Trường Đại học Kinh Bắc
Hệ Đại học chính quy năm học 2019 - 2020

Hôm nay, vào lúc 14 giờ, ngày 14 tháng 08 năm 2019, tại Phòng họp Trường
Đại học Kinh Bắc, phố Phúc Sơn, P. Vũ Ninh, TP Bắc Ninh tiến hành cuộc họp:

I. Thành phần tham dự:

1. Chủ tọa: Ông Nguyễn Văn Đình – Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng
tuyển sinh
2. Ông Đoàn Xuân Tiếp – Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh
3. Ông Nguyễn Ngọc Trường – Phó Hiệu trưởng
4. Ông Đoàn Xuân Toàn – Phó Hiệu trưởng
5. Ông Đặng Sỹ Sào – Bí thư chi bộ
6. Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Trưởng phòng TCHC
7. Ông Nguyễn Quang Quýnh – Trưởng khoa kinh tế
8. Ông Nguyễn Đình Dũng – Trưởng phòng K&ĐHCĐ
9. Ông Đặng Văn Đức – Phó Trưởng khoa K&ĐHCĐ
10. Ông Hồ Khánh Lâm – Trưởng khoa CNTT và ĐTT
11. Ông Lê Hồng K – Trưởng khoa K&ĐHCĐ
12. Ông Đỗ Đình Dư – Trưởng khoa M&N&ĐG
13. Tiến sĩ Đặng Thị Thu Hiền

II. Nội dung cuộc họp

1. Tuyển sinh vào Trường Đại học Kinh Bắc năm học 2019 - 2020
2. Biên bản cuộc họp

- + Khoa Kinh tế: 198
- + Khoa Du lịch: 150
- + Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử truyền thông: 129
- + Khoa Ngôn ngữ Anh: 36
- + Khoa Luật và Quản lý Nhà nước: 8

IV. Kết luận

Ông Nghiêm Văn Dĩnh kết luận lại một số điểm sau:

- Học sinh nộp hồ sơ và trúng tuyển các ngành toàn trường: 521
- Phòng Quản lý Đào tạo kết hợp với Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp, các Khoa/viện của Nhà trường chuẩn bị để làm thủ tục nhập học cho SV của các ngành năm học 2019 – 2020.

Cuộc họp kết thúc lúc 16h45 cùng ngày, nội dung thảo luận tại cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chữ ký của các thành viên

Thư ký

Đặng Thị Thu Hoài

Chủ tọa

GS.TSKH.NGND Nghiêm Văn Dĩnh



+ Khoa Kinh tế: 198

+ Khoa Du lịch: 150

+ Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử truyền thông: 129

+ Khoa Ngôn ngữ Anh: 36

+ Khoa Luật và Quản lý Nhà nước: 8

IV. Kết luận

Ông Nguyễn Văn Đình kết luận lại một số điểm sau:

- Học sinh nộp hồ sơ và trúng tuyển các ngành toàn trường: 521

- Phòng Quản lý Đào tạo kết hợp với Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp, các Khoa/Viện của Nhà trường chuẩn bị đề làm thủ tục nhập học cho SV của các ngành năm học 2019 – 2020.

Cuộc họp kết thúc lúc 16h45 cùng ngày, nội dung thảo luận tại cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và công bố vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày

ký.

Chữ ký của các thành viên

Chủ tọa

Thư ký



ÔNG NGUYỄN VĂN ĐÌNH

TRƯỞNG TRUNG TÂM

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2019

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/03/2018 và Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 796/BGDĐT-GDĐH ngày 06/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKB ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh và Ban thư kí giúp việc cho Hội đồng năm 2019;

Căn cứ kết quả điểm thi THPT Quốc Gia năm 2019 và kết quả xét điểm trung bình lớp 12 của học sinh THPT;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thư ký Hội đồng Tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điểm sàn trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019 khóa VIII (2019 – 2023) của Trường Đại học Kinh Bắc như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn theo kết quả thi THPTQG	Điểm sàn theo học bạ
1	Thiết kế đồ họa	7210403	H00	15	6.0
2	Thiết kế thời trang	7210404	H00	15	6.0
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D10, D14	15	6.0

4	Quản lý nhà nước	7310205	A00, A01, C00, D01	15	6.0
5	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C04, D01	15	6.0
6	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
7	Kế toán	7340301	A00, A01, C04, D01	15	6.0
8	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	15	6.0
9	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
11	Kiến trúc	7580101	V00, V01, V02, V03	15	6.0
12	Thiết kế nội thất	7580108	H00	15	6.0
13	Quản lý xây dựng	7580302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, C00, D01	15	6.0

Điều 2. Ban Thư ký Hội đồng Tuyển sinh, Trung tâm Tư vấn Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp, các Phòng, Ban, Khoa, Viện tổ chức thực hiện nghiêm, đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lập danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn trình Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Thư ký và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Hội đồng Quản trị (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Lưu: VT.



GS.TSKH:NGND **Nguyễn Văn Dĩnh**

Số: 18/TB-HĐTS

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO NGUỒN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO NĂM 2019

Tên trường: Đại học Kinh Bắc
Điện thoại: (0222) 872 892/890

Mã trường: UKB
Website: ukb.edu.vn

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn theo kết quả thi THPTQG	Điểm sàn theo học bạ
1	Thiết kế đồ họa	7210403	H00	15	6.0
2	Thiết kế thời trang	7210404	H00	15	6.0
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D10, D14	15	6.0
4	Quản lý nhà nước	7310205	A00, A01, C00, D01	15	6.0
5	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C04, D01	15	6.0
6	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
7	Kế toán	7340301	A00, A01, C04, D01	15	6.0
8	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	15	6.0
9	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
11	Kiến trúc	7580101	V00, V01, V02, V03	15	6.0
12	Thiết kế nội thất	7580108	H00	15	6.0
13	Quản lý xây dựng	7580302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, C00, D01	15	6.0

Ghi chú: Mức điểm trên là mức điểm của học sinh phổ thông ở KV3, các khu vực và nhóm đối tượng ưu tiên khác tương ứng giảm 0.25 và 1.0 điểm.

Nơi nhận:

- Website;
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Lưu VT, QLĐT



CHỦ TỊCH HĐTS

GS.TSKH.NGND Nghiêm Văn Đình

Số 648/TB-HĐT

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO NGỪNG BẤM BẢO CHẤT LƯỢNG BẮC VÀO NĂM 2019

Tên trường: Đại học Kinh Bắc
Điện thoại: (0223) 872 882890

Mã trường: UKB
Website: ukb.edu.vn

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Biên bản theo kết quả thi THPT	Biên bản theo học bạ
1	Thiết kế đồ họa	7310403	1100	12	6.0
2	Thiết kế thời trang	7310404	1100	12	6.0
3	Ngôn ngữ Anh	7320301	A01, D01, D14	12	6.0
4	Quản lý nhà nước	7310302	A00, A01, C00, D01	12	6.0
5	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C04, D01	12	6.0
6	Tài chính - Ngân hàng	7340301	A00, A01, C04, D01	12	6.0
7	Kế toán	7340301	A00, A01, C04, D01	12	6.0
8	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	12	6.0
9	Công nghệ thông tin	7380301	A00, A01, C04, D01	12	6.0
10	Công nghệ kỹ thuật phần mềm - Công nghệ thông tin	7340303	A00, A01, C04, D01	12	6.0
11	Kỹ thuật	7330101	A00, A01, V03, D01	12	6.0
12	Thiết kế nội thất	7330102	1100	12	6.0
13	Quản lý xây dựng	7330301	A00, A01, C04, D01	12	6.0
14	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C04, D01	12	6.0

Chú ý: Các ngành trên đây là một phần của thông tin đăng ký của trường Đại học Kinh Bắc và có thể thay đổi theo từng năm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Số: 30 /TB-HĐTS

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2019

THÔNG BÁO ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2019

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc thông báo điểm trúng tuyển Đại học hệ chính quy 2019 như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm chuẩn theo kết quả thi THPTQG	Điểm chuẩn theo học bạ
1	Thiết kế đồ họa	7210403	H00	15	6.0
2	Thiết kế thời trang	7210404	H00	15	6.0
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D10, D14	15	6.0
4	Quản lý nhà nước	7310205	A00, A01, C00, D01	15	6.0
5	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C04, D01	15	6.0
6	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
7	Kế toán	7340301	A00, A01, C04, D01	15	6.0
8	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	15	6.0
9	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
11	Kiến trúc	7580101	V00, V01, V02, V03	15	6.0
12	Thiết kế nội thất	7580108	H00	15	6.0
13	Quản lý xây dựng	7580302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, C00, D01	15	6.0

Ghi chú: Mức điểm trên là mức điểm của học sinh phổ thông ở KV3, các khu vực và nhóm đối tượng ưu tiên khác tương ứng giảm 0.25 và 1.0 điểm.

Nơi nhận:

- Website;
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Lưu VT, QLĐT

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC
GS.TSKH.NGND Nghiêm Văn Dĩnh

Số: 01/TB-HĐT

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2019

THÔNG BÁO BIỂM TRƯNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2019

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc thông báo điểm trúng tuyển Đại học hệ chính quy 2019 như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm chuẩn theo kết quả thi THPT	Điểm chuẩn theo học bạ
1	Thời kế đồ họa	7210403	1100	15	6.0
2	Thời kế thời trang	7210404	1100	15	6.0
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D10, D14	15	6.0
4	Quản lý nhà nước	7310202	A00, A01, C00, D01	15	6.0
5	Quản trị kinh doanh	7310101	A00, A01, C04, D01	15	6.0
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, C04, D01	15	6.0
7	Kỹ thuật	7340301	A00, A01, C04, D01	15	6.0
8	Lưu trữ và bảo quản tài liệu	7380107	A00, A01, C00, D01	15	6.0
9	Công nghệ thông tin	7430301	A00, A01, C04, D01	15	6.0
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
11	Kiểm toán	7580101	A00, A01, V02, V03	15	6.0
12	Thời kế nội thất	7580108	1100	15	6.0
13	Quản lý kinh doanh	7580302	A00, A01, C04, D01	15	6.0
14	Quản trị kinh doanh	7810103	A00, A01, C00, D01	15	6.0

Điểm chuẩn theo kết quả thi THPT và học bạ là điểm trung bình cộng của hai điểm này.
Điểm chuẩn theo kết quả thi THPT và học bạ là điểm trung bình cộng của hai điểm này.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Số: 402/QĐ-ĐHKB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 08 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập lớp đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm 2019
của Trường Đại học Kinh Bắc**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ – TTg ngày 26/03/1012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh bắc;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-ĐHKB ngày 16/08/2019 của Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào Trường Đại học Kinh Bắc hệ Đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm 2019;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập 1 lớp hệ Đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh như sau:

Lớp 08D.NNA: Ngành Ngôn ngữ Anh hệ Đại học chính quy

Điều 2: Giao cho Khoa Ngôn ngữ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch giảng dạy và tổ chức triển khai đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng Phòng Ban, Khoa và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT: B/c
- Như điều 3
- Lưu VT

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG



Bắc Ninh, ngày 16 tháng 08 năm 2019

403/QĐ-DHKB

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập tập đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm 2019
của Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ – TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-DHKB ngày 16/08/2019 của Chủ tịch Hội đồng
Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào
Trường Đại học Kinh Bắc hệ Đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm 2019;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập 1 tập hệ Đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh như sau:

1 tập 08D.NNA; Ngành Ngôn ngữ Anh hệ Đại học chính quy

Điều 2: Giao cho Khoa Ngôn ngữ Anh hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế
hoạch giảng dạy và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng Phòng Đào tạo và sinh viên chấp hành theo chỉ
định quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

NGUYỄN VĂN
TRƯỜNG

Số: 831/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ công văn số 1732/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 14/3/2015 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc triển khai đề án tự chủ tuyển sinh;

Căn cứ Quy chế số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế thi THPT Quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKB ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019;

Căn cứ Đề án Tuyển sinh năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng Tuyển sinh 2019 Trường Đại học Kinh Bắc về điểm trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019;

Xét theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển vào các ngành/chuyên ngành của Trường Đại học Kinh Bắc cho 350 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 1 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng cách nộp bản chính Giấy báo trúng tuyển Đại học chính quy năm 2019 trước 17h00 ngày 13/9/2019 (thí sinh ở xa tính theo dấu bưu điện). Sau thời hạn trên, thí sinh không xác nhận nhập học coi như từ chối nhập học.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh năm 2019, Phòng Quản lý Đào tạo, các phòng, ban liên quan và các ông bà có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HDQT;
- HĐTS;
- Phòng QLĐT, TCHC;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



GS.TSKH.NGND. Nghiêm Văn Dĩnh

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2019 ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số 831 QĐ/ĐHKB ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Gia	Bình	16/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	CNKT Điện tử Truyền thông	
2	Nguyễn Duy	Cường	30/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	CNKT Điện tử Truyền thông	
3	Trịnh Trọng	Dũng	11/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	CNKT Điện tử Truyền thông	
4	Đặng Văn	Dương	26/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	CNKT Điện tử Truyền thông	
5	Nguyễn Hữu	Long	20/08/2000	Tỉnh Lào Cai	CNKT Điện tử Truyền thông	
6	Trịnh Đình	Minh	30/08/2001	Tỉnh Thanh Hoá	CNKT Điện tử Truyền thông	
7	Vi Văn	Phuong	16/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	CNKT Điện tử Truyền thông	
8	Chu Văn	An	09/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
9	Nguyễn Thanh	An	03/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Công nghệ Thông tin	
10	Đặng Quốc	Ân	22/11/2001	Tỉnh Yên Bái	Công nghệ Thông tin	
11	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11/04/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Công nghệ Thông tin	
12	Nguyễn Tiến	Anh	07/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
13	Đỗ Quý	Bàng	03/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
14	Phạm Xuân	Chiến	18/02/2001	Tỉnh Hà Giang	Công nghệ Thông tin	
15	Phạm Văn	Chiêu	22/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
16	Hoàng Văn	Chuyến	01/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
17	Ngô Thế	Cường	24/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
18	Nguyễn Tiến	Cường	25/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
19	Nguyễn Văn	Đại	02/04/2001	Tỉnh Điện Biên	Công nghệ Thông tin	
20	Nguyễn Trọng	Đại	29/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
21	Trần Hải	Đăng	09/12/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Công nghệ Thông tin	
22	Bùi Văn	Đông	05/11/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Công nghệ Thông tin	
23	Hoàng Văn	Đức	10/02/2001	Tỉnh Ninh Bình	Công nghệ Thông tin	
24	Nguyễn Việt	Đức	09/10/2001	Tỉnh Hưng Yên	Công nghệ Thông tin	
25	Bùi Minh	Đức	23/09/2000	Tỉnh Lào Cai	Công nghệ Thông tin	
26	Trần Minh	Duy	18/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Công nghệ Thông tin	
27	Trương Hồng	Hải	20/04/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Công nghệ Thông tin	
28	Nguyễn Tài	Hải	20/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
29	Vương Thị	Hân	23/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
30	Trần Văn	Hào	05/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
31	Nguyễn Văn	Hào	28/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
32	Trương Thị Thu	Hiền	14/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Công nghệ Thông tin	
33	Nguyễn Thế	Hiền	15/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
34	Vũ Quang	Hiên	17/02/2001	Thành phố Hải Dương	Công nghệ Thông tin	
35	Trịnh Thị	Hoa	23/10/1998	Tỉnh Phú Thọ	Công nghệ Thông tin	
36	Vũ Thị	Hoa	11/05/2000	Tỉnh Hải Dương	Công nghệ Thông tin	
37	Nguyễn Sỹ	Hoàng	03/12/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
38	Hoàng Hữu	Huân	25/10/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Công nghệ Thông tin	
39	Nguyễn Hữu	Hùng	27/09/2001	Tỉnh Nghệ An	Công nghệ Thông tin	
40	Nguyễn Hải	Hưng	30/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
41	Trương Văn	Hưng	04/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
42	Nguyễn Xuân	Hương	31/05/2000	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
43	Nguyễn Mậu	Huy	01/03/2000	Tỉnh Thanh Hoá	Công nghệ Thông tin	
44	Lê Thị	Huyền	22/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
45	Nguyễn Ngọc	Huyền	17/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
46	Nguyễn Quốc	Khánh	24/07/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
47	Đàm Đình	Khuyến	19/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
48	Đào Duy	Kiên	01/09/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
49	Vũ Đức	Kiên	15/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Công nghệ Thông tin	
50	Trần Mạnh	Kim	19/10/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
51	Nguyễn Thị Thuý	Linh	10/12/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Công nghệ Thông tin	
52	Vũ Đình	Lộc	01/10/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Công nghệ Thông tin	
53	Vũ Đình	Lộc	12/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
54	Dương Đình	Long	20/08/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Công nghệ Thông tin	
55	Vũ Thị Ngọc	Mai	11/05/2000	Thành phố Hà Nội	Công nghệ Thông tin	
56	Phạm Văn	Minh	15/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
57	Đàm Bảo	Ngọc	22/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
58	Trần Đức	Nguyên	21/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
59	Sùng A	Páo	14/02/2000	Tỉnh Lào Cai	Công nghệ Thông tin	
60	Nguyễn Đức	Phước	09/03/2001	Tỉnh Lào Cai	Công nghệ Thông tin	
61	Phạm Văn	Phượng	12/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
62	Đào Thị Ngọc	An	20/01/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
63	Nông Thị Thuý	An	09/10/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
64	Trần Thị	An	10/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
65	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	07/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
66	Nguyễn Thị Việt	Anh	25/01/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
67	Trần Phương	Anh	04/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
68	Âu Thị Ngọc	Ánh	29/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
69	Vũ Thị Cách	Cách	30/12/1999	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
70	Nguyễn Thị	Chang	18/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
71	Nguyễn Thị	Cúc	02/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
72	Nguyễn Thị	Diễm	23/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
73	Nông Thuỳ	Giang	02/07/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
74	Nguyễn Hương	Giang	28/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
75	Hoàng Hồng	Hạ	02/12/1999	Tỉnh Cao Bằng	Kế toán	
76	Nguyễn Thu	Hằng	14/11/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
77	Nguyễn Thị	Hằng	14/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
78	Lê Văn	Hậu	24/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
79	Đặng Thị Lan	Hiên	22/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
80	Lâm Minh	Hiếu	19/02/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kế toán	
81	Ngô Thị	Hoà	20/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
82	Vũ Thị	Hoài	03/07/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
83	Nguyễn Thị	Hồng	31/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
84	Đỗ Thị	Huệ	25/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
85	Nguyễn Ngọc	Hưng	08/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
86	Phạm Thị Thanh	Hương	04/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
87	Nguyễn Thu	Hường	25/08/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
88	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	18/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
89	Lương Thị Thu	Huyền	07/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
90	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	18/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
91	Phan Thị Thanh	Lan	19/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
92	Lành Thị	Linh	15/03/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
93	Nguyễn Thị Hoài	Linh	17/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
94	Nguyễn Thị	Loan	08/03/1998	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
95	Ngọc Thị	Luyến	03/07/2000	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
96	Nguyễn Ngọc	Mai	03/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
97	Hoàng Thị	Na	16/02/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
98	Đặng Thị	Nga	14/12/2000	Tỉnh Thái Nguyên	Kế toán	
99	Nguyễn Thị	Nga	14/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
100	Nguyễn Bích	Ngọc	10/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
101	Đặng Thị Hoài	Ngọc	14/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
102	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	28/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
103	Đào Thị	Nhàn	30/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
104	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	01/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
105	Trịnh Thị	Phương	02/04/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kế toán	
106	Lê Thị Thu	Phương	02/04/2000	Tỉnh Tuyên Quang	Kế toán	
107	Vi Hoàng	Long	14/02/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
108	Hoàng Phi	Long	25/06/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán	
109	Đỗ Thành	Long	04/01/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
110	Vũ Thuỷ Hiền	Lương	29/10/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán	
111	Lê Thị Mai	Lương	16/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
112	Quảng Văn	Lương	05/12/2000	Tỉnh Điện Biên	Kế toán	
113	Vùi Thị	Lưu	10/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
114	Nguyễn Thị	Ly	22/11/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Kế toán	
115	Nông Tuyết	Mai	10/02/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
116	Đặng Thị	Mai	10/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
117	Ngô Thị	Mai	16/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
118	Đinh Thị Phương	Mai	23/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
119	Dương Thị	Mai	05/05/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán	
120	Hoàng Thị Thảo	Mai	18/07/2001	Thành phố Hải Phòng	Kế toán	
121	Hoàng Thị	Mẫn	25/11/2000	Tỉnh Tuyên Quang	Kế toán	
122	Bồn Văn	Mạnh	25/07/2000	Tỉnh Hà Giang	Kế toán	
123	La Thị	Mây	16/09/2001	Tỉnh Cao Bằng	Kế toán	
124	Phản Tà	Mây	13/09/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
125	Chảo San	Mây	07/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
126	Bế Thị	Miên	04/12/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
127	Bàn Thị	Minh	21/01/2001	Tỉnh Hà Giang	Kế toán	
128	Nguyễn Trọng	Minh	09/10/1999	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
129	Ngô Phương	Nam	20/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
130	Nguyễn Văn	Nam	20/09/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Kế toán	
131	Cần Đức	Nam	23/12/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kế toán	
132	Trương Thị	Năm	11/02/1999	Tỉnh Thanh Hoá	Kế toán	
133	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	23/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kế toán	
134	Tần A	Ngải	01/05/2001	Tỉnh Lai Châu	Kế toán	
135	Vương Thị	Ngân	20/01/1999	Tỉnh Yên Bái	Kế toán	
136	Nguyễn Thị Kim	Ngân	15/09/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
137	Vũ Thị Bích	Ngọc	10/06/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
138	Hoàng Văn	Nguyên	06/04/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kế toán	
139	Lê Phương	Nguyên	09/5/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kế toán	
140	Nguyễn Thị	Nguyệt	11/06/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Kế toán	
141	Hà Thu	Nguyệt	08/04/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
142	Lê Thị Ánh	Nguyệt	22/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kế toán	
143	Lê Thị	Nguyệt	15/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
144	Trần Thị Yến	Nhi	03/12/2001	Tỉnh Hà Nam	Kế toán	
145	Trần Thị Nữ	Nhi	12/08/2000	Tỉnh Kon Tum	Kế toán	
146	Hứa Thị	Nhị	14/03/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
147	Lò Thị	Nhung	15/08/2001	Tỉnh Điện Biên	Kế toán	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
148	Lường Văn	Ninh	05/07/2001	Tỉnh Điện Biên	Kế toán	
149	Lê Đăng	Ninh	13/01/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
150	Dương Thị	Nụ	16/10/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kế toán	
151	Vi Thị Ngọc	Oanh	06/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
152	Ngô Văn	Phúc	21/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kế toán	
153	Nguyễn Thị Minh	Phương	28/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
154	Đặng Thị	Phương	02/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
155	Lý Thị	Phượng	29/09/2000	Tỉnh Cao Bằng	Kế toán	
156	Lầu A	Chừ	05/01/2001	Tỉnh Điện Biên	Luật Kinh tế	
157	Nguyễn Quang	Hùng	22/01/2001	Tỉnh Điện Biên	Luật Kinh tế	
158	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Ngôn ngữ Anh	
159	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	04/03/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Ngôn ngữ Anh	
160	Tạ Minh	Chiến	16/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
161	Nguyễn Thị Minh	Cúc	14/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Ngôn ngữ Anh	
162	Nguyễn Thị	Diễm	14/08/2000	Tỉnh Thái Bình	Ngôn ngữ Anh	
163	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
164	Vũ Minh	Hiếu	23/11/2001	Tỉnh Hà Giang	Ngôn ngữ Anh	
165	Hà Thị	Hoà	12/02/1999	Tỉnh Tuyên Quang	Ngôn ngữ Anh	
166	Nguyễn Thị	Hoài	24/09/1999	Tỉnh Bắc Giang	Ngôn ngữ Anh	
167	Nguyễn Thị	Hoài	21/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
168	Vi Thị Kim	Hồng	10/11/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Ngôn ngữ Anh	
169	Nguyễn Thị	Hương	07/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
170	Nguyễn Thị Lan	Hương	03/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
171	Nguyễn Thị	Hương	23/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Ngôn ngữ Anh	
172	Lưu Thị	Huyền	08/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
173	Đỗ Tá	Khảm	19/12/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
174	Nguyễn Văn	Ký	07/07/1985	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
175	Trần Ngọc	Lâm	17/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Ngôn ngữ Anh	
176	Nguyễn Thị Thuý	Linh	16/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
177	Nguyễn Thị Thuý	Linh	02/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
178	Đỗ Huyền	Linh	23/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
179	Nguyễn Thị	Linh	26/10/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngôn ngữ Anh	
180	Nguyễn Văn	Lý	26/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
181	Vũ Trà	My	23/07/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Ngôn ngữ Anh	
182	Nguyễn Duy	Nhất	09/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
183	Ly A	Chợ	06/09/2000	Tỉnh Điện Biên	Quản lý Nhà nước	
184	Quàng Văn	Hải	10/01/2000	Tỉnh Sơn La	Quản lý Nhà nước	
185	Trần Đức	Lương	20/11/1997	Tỉnh Quảng Bình	Quản lý Nhà nước	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
186	Lò Văn	Lưu	19/06/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản lý Nhà nước	
187	Vương Văn	An	07/09/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
188	Phạm Xuân	An	23/11/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
189	Đoàn Xuân	An	25/11/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
190	Nguyễn Hồng	Anh	30/11/2001	Thành phố Hà Nội	Quản trị DV DL và Lữ hành	
191	Nông Hoàng	Anh	16/11/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
192	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/09/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
193	Hoàng Kỳ	Anh	14/08/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
194	Vũ Phương	Anh	10/02/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị DV DL và Lữ hành	
195	Vũ Thị Lan	Anh	19/12/2001	Tỉnh Hưng Yên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
196	Trần Đức	Anh	01/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
197	Trần Thị Vân	Anh	18/07/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
198	Nguyễn Thị Kỳ	Anh	20/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
199	Vũ Thị Mai	Anh	14/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
200	Trần Thị Ngọc	Ánh	05/06/2001	Tỉnh Nghệ An	Quản trị DV DL và Lữ hành	
201	Nguyễn Ngọc	Ánh	05/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
202	Phùng Thị	Ánh	14/04/2000	Tỉnh Vĩnh Phúc	Quản trị DV DL và Lữ hành	
203	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2001	Tỉnh Phú Thọ	Quản trị DV DL và Lữ hành	
204	Bùi Ngọc	Bích	31/12/2001	Tỉnh Hoà Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
205	Sùng Thị	Ca	03/02/2000	Tỉnh Yên Bái	Quản trị DV DL và Lữ hành	
206	Nguyễn Hoàng Bảo	Châm	14/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
207	Tần San	Chân	22/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
208	Tần A	Chân	09/08/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
209	Dương Thị	Chanh	12/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
210	Lê Thị Linh	Chi	26/04/2001	Tỉnh Hoà Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
211	Sầm Thị	Chi	08/05/2001	Tỉnh Nghệ An	Quản trị DV DL và Lữ hành	
212	Lê Văn	Chiến	15/12/1997	Thành phố Đà Nẵng	Quản trị DV DL và Lữ hành	
213	Tòng Văn	Chiến	07/05/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
214	Đinh Thị	Chinh	26/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
215	Lã Xuân	Chính	16/07/1999	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
216	Hoàng Minh	Chuẩn	23/02/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
217	Trương Xuân	Chức	03/12/2001	Tỉnh Hà Nam	Quản trị DV DL và Lữ hành	
218	Nguyễn Đức	Công	31/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
219	Trần Hồng	Cương	20/09/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
220	Đỗ Đình	Cường	25/04/2001	Tỉnh Thái Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
221	Đinh Thị	Đông	18/12/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
222	Phạm Thành	Đông	30/04/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
223	Mùa Bích	Dư	26/12/2001	Tỉnh Sơn La	Quản trị DV DL và Lữ hành	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
224	Lý Minh	Đức	13/06/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
225	Lê Sơn	Đức	03/11/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
226	Nguyễn Thị	Dung	05/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
227	Phạm Thị Kim	Dung	02/9/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị DV DL và Lữ hành	
228	Nguyễn Thị Thuý	Dung	24/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
229	Nguyễn Hoàng	Dũng	24/11/1997	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
230	Lường Văn	Dũng	09/09/1999	Tỉnh Điện Biên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
231	Phùng Thuý	Dương	24/07/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
232	Vũ Thị Mỹ	Duyên	11/02/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị DV DL và Lữ hành	
233	La Thị	Duyên	10/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
234	Vũ Thị Hương	Giang	07/08/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
235	Đèo Thị Trà	Giang	03/08/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
236	Lưu Thu	Hà	07/10/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
237	Nguyễn Ngọc	Hải	01/07/2000	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
238	Lê Thị Ngọc	Hân	10/08/2001	Tỉnh Hoà Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
239	La Thị	Hằng	27/06/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
240	Bế Thị Mỹ	Hạnh	23/11/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
241	Đặng Thị Hải	Hậu	02/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
242	Đinh Thị	Hiền	24/07/2001	Tỉnh Cao Bằng	Quản trị DV DL và Lữ hành	
243	Vũ Văn	Hiệp	26/11/1999	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
244	Sầm Văn	Hiếu	06/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
245	Nguyễn Quang	Hiếu	29/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
246	Phùng Thị Mai	Hoa	26/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
247	Hà In	Hoa	05/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
248	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	30/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
249	Hồ Hà Yến	Hoa	24/01/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
250	Chu Thị	Hoà	23/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Quản trị DV DL và Lữ hành	
251	Bàn Hải	Hoài	25/04/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
252	Lại Thị	Hoài	05/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Quản trị DV DL và Lữ hành	
253	Cao Thị Thu	Hoài	01/09/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
254	Đỗ Thu	Hoài	10/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
255	Cao Thuý	Hồng	06/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Quản trị DV DL và Lữ hành	
256	Lành Văn	Hùng	16/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
257	Nguyễn Phú	Hùng	09/03/1999	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
258	Vũ Văn	Hùng	12/12/2000	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
259	Nguyễn Văn	Hưng	20/03/1995	Tỉnh Hoà Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
260	Đoàn Thị Thu	Hường	26/09/2001	Tỉnh Nam Định	Quản trị DV DL và Lữ hành	
261	Bùi Quang	Huy	23/01/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
262	Nguyễn Đức	Huy	17/12/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
263	Nông Thị	Huyền	09/04/2001	Tỉnh Cao Bằng	Quản trị DV DL và Lữ hành	
264	Nguyễn Thị	Huyền	14/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
265	Nguyễn Minh	Huyền	08/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
266	Đỗ Thu	Huyền	02/01/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
267	Trần Văn	Khiêm	02/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
268	Bạc Thị	Khuyên	15/08/2001	Tỉnh Sơn La	Quản trị DV DL và Lữ hành	
269	Phạm Xuân	Kiên	08/04/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
270	Ngô Thế	Kiên	24/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
271	Đặng Chí	Kiên	16/07/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
272	Lý Thị	Lâm	09/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
273	Đặng Thị Hương	Lan	11/06/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
274	Trương Thị	Lan	28/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
275	Nguyễn Thị	Liên	04/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
276	Nguyễn Thị Hồng	Liên	24/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
277	Trần Thị	Linh	05/01/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
278	Dương Thị Thuý	Linh	26/09/2001	Tỉnh Nghệ An	Quản trị DV DL và Lữ hành	
279	Phạm Thuý	Linh	27/06/2001	Tỉnh Thái Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
280	Hà Thuý	Linh	18/11/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
281	Dương Thị	Linh	08/11/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
282	Nguyễn Thị Khánh	Linh	27/05/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
283	Trần Anh	Linh	28/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
284	Ngô Thị Kim	Loan	18/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
285	Trương Đức	Lộc	22/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
286	Hà Thị	Lộc	13/12/2001	Tỉnh Sơn La	Quản trị DV DL và Lữ hành	
287	Nông Thị	An	19/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
288	Nguyễn Văn	Anh	25/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
289	Lý Lan	Anh	08/08/2000	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
290	Nguyễn Thị Mai	Anh	02/12/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị Kinh doanh	
291	Hoàng Thị Lan	Anh	16/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
292	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
293	Vi Thị	Ban	16/09/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị Kinh doanh	
294	Nguyễn Ngọc	Châm	30/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
295	Nguyễn Thị	Châm	02/04/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị Kinh doanh	
296	Vũ Thị Việt	Chinh	09/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
297	Sùng Văn	Chường	30/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị Kinh doanh	
298	Nguyễn Thị	Cúc	06/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
299	Vũ Đức	Dân	04/08/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
300	Nguyễn Sỹ Đạt	14/04/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
301	Nguyễn Công Đạt	17/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
302	Lương Thế Đạt	03/01/2001	Tỉnh Yên Bái	Quản trị Kinh doanh	
303	Đàm Đức Thành Đạt	28/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
304	Phạm Thị Điểm	28/03/2000	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
305	Phạm Minh Đức	25/01/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
306	Hoàng Ngọc Giang	05/10/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Quản trị Kinh doanh	
307	Dương Thị Hà	16/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
308	Vi Thị Hải	02/08/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị Kinh doanh	
309	Dương Quế Hằng	10/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
310	Hoàng Thị Hằng	09/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
311	Nguyễn Thị Lệ Hằng	22/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
312	Tạ Phương Hoa	05/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
313	Nguyễn Thị Hoa	28/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
314	Bùi Quang Hoà	01/11/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị Kinh doanh	
315	Nông Thị Hoà	20/09/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị Kinh doanh	
316	Phùng Văn Hoan	07/06/2000	Tỉnh Hà Tĩnh	Quản trị Kinh doanh	
317	Lê Thị Hồng	21/02/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị Kinh doanh	
318	Nguyễn Thị Huệ	27/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
319	Phạm Thị Thu Hương	29/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
320	Thiều Quang Huỳnh	19/02/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị Kinh doanh	
321	Phạm Quốc Khánh	15/01/2001	Thành phố Hà Nội	Quản trị Kinh doanh	
322	Lý A Khoa	14/05/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị Kinh doanh	
323	Võ Văn Khương	05/01/2001	Tỉnh Quảng Bình	Quản trị Kinh doanh	
324	Nguyễn Thị Khuyên	04/09/1998	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị Kinh doanh	
325	Nguyễn Thị Lan	03/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
326	Nguyễn Minh Liên	24/11/1998	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
327	Nguyễn Văn Linh	01/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
328	Nguyễn Hoàng Luân	26/01/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Quản trị Kinh doanh	
329	Phạm Thị Ly	28/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
330	Trần Thị Mận	01/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
331	Nguyễn Thị Miên	13/04/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
332	Cao Thị Minh	28/11/2001	Tỉnh Sơn La	Quản trị Kinh doanh	
333	Đàm Văn Minh		Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
334	Lệnh Thuý Na	23/04/2001	Tỉnh Hà Giang	Quản trị Kinh doanh	
335	Nguyễn Hoài Nam	20/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
336	Nguyễn Thị Thanh Nga	16/09/2001	Tỉnh Phú Thọ	Quản trị Kinh doanh	
337	Đỗ Thanh Nga	24/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
338	Lê Thị Phương	Nga	24/10/2001	Tỉnh Sơn La	Quản trị Kinh doanh	
339	Đỗ Tuấn	Nghĩa	25/02/2001	Thành phố Hà Nội	Quản trị Kinh doanh	
340	Nguyễn Thị	Ngọc	08/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
341	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	01/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
342	Cáp Thị	Ngọc	25/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
343	Trần Thị Thanh	Nhàn	24/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
344	Vũ Thị	Nhung	04/08/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị Kinh doanh	
345	Nguyễn Thị Kim	Nhung	23/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
346	Quảng Hồng	Ninh	23/03/2000	Tỉnh Điện Biên	Quản trị Kinh doanh	
347	Nguyễn Thị	Nụ	28/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
348	Sùng Seo	Phùng	05/07/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị Kinh doanh	
349	Trần Thị Hà	My	16/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Tài chính - Ngân hàng	
350	Trần Thuý	Nga	17/03/2001	Tỉnh Lào Cai	Tài chính - Ngân hàng	

Danh sách có: 350 sinh viên

Số: 859/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ công văn số 1732/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 14/3/2015 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc triển khai đề án tự chủ tuyển sinh;

Căn cứ Quy chế số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế thi THPT Quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKB ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019;

Căn cứ Đề án Tuyển sinh năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng Tuyển sinh 2019 Trường Đại học Kinh Bắc về điểm trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển vào các ngành/chuyên ngành của Trường Đại học Kinh Bắc cho 178 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 2 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng cách nộp bản chính Giấy báo trúng tuyển Đại học chính quy năm 2019 trước 17h00 ngày 27/9/2019 (thí sinh ở xa tính theo dấu bưu điện). Sau thời hạn trên, thí sinh không xác nhận nhập học coi như từ chối nhập học.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh năm 2019, Phòng Quản lý Đào tạo, các phòng, ban liên quan và các ông bà có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- HĐTS;
- Phòng QLĐT, TCHC;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



GS.TSKH.NGND. Nghiêm Văn Dĩnh

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2019 ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 859 QĐ/ĐHKB ngày 17 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	Ngô Việt Quang	21/05/2000	Tỉnh Bắc Giang	CNKT Điện tử Truyền thông	
2	Giáp Hoàng Sơn	02/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	CNKT Điện tử Truyền thông	
3	Phan Đình Thanh	16/01/1998	Tỉnh Bắc Giang	CNKT Điện tử Truyền thông	
4	Lê Văn Quyền	02/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
5	Cà Văn Quyền	01/05/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Công nghệ Thông tin	
6	Lù Văn Quyết	03/04/2000	Tỉnh Lai Châu	Công nghệ Thông tin	
7	Nguyễn Văn Quyết	02/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
8	Đào Văn Sơn	15/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
9	Tần Láo Tả	06/12/2001	Tỉnh Lào Cai	Công nghệ Thông tin	
10	Lò Văn Tài	07/01/2001	Tỉnh Lai Châu	Công nghệ Thông tin	
11	Thân Đức Tâm	12/04/2000	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
12	Đặng Đình Tân	26/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
13	Nguyễn Văn Tân	05/02/2001	Thành phố Hà Nội	Công nghệ Thông tin	
14	Nguyễn Gia Tân	27/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
15	Phạm Duy Tân	14/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
16	Mùa A Tàng	17/02/2000	Tỉnh Điện Biên	Công nghệ Thông tin	
17	Nguyễn Văn Thắng	19/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
18	Lò Văn Thành	30/11/2001	Tỉnh Sơn La	Công nghệ Thông tin	
19	Tổng Văn Thành	26/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
20	Nguyễn Đức Thành	25/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
21	Nguyễn Bá Thìn	27/05/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
22	Nguyễn Thọ Thịnh	07/8/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Công nghệ Thông tin	
23	Nguyễn Văn Thúc	28/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
24	Hoàng Thị Thương	06/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Công nghệ Thông tin	
25	Nguyễn Văn Thuý	17/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
26	Bùi Ngọc Tiến	17/05/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Công nghệ Thông tin	
27	Cao Văn Tính	15/10/2000	Tỉnh Thanh Hoá	Công nghệ Thông tin	
28	Nguyễn Bá Tới	12/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
29	Bùi Thị Huyền Trang	03/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Công nghệ Thông tin	
30	Phùng Thị Thu Trang	04/02/2001	Thành phố Hà Nội	Công nghệ Thông tin	
31	Tàng Thị Thu Trang	14/03/1998	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
32	Nguyễn Gia Trường	27/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
33	Thân Nhân Trường	25/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
34	Nguyễn Tiến	Tú	21/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
35	Dương Văn	Tú	20/01/2001	Tỉnh Cao Bằng	Công nghệ Thông tin	
36	Ngô Văn	Tuấn	27/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
37	Phạm Trọng	Tuấn	23/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Công nghệ Thông tin	
38	Trần Đức	Tuấn	16/09/2001	Tỉnh Lào Cai	Công nghệ Thông tin	
39	Dương Ngô	Tùng	24/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Công nghệ Thông tin	
40	Vương Đình	Việt	28/08/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Công nghệ Thông tin	
41	Phan Quốc	Việt	12/06/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Công nghệ Thông tin	
42	Xen Đức	Việt	25/02/2001	Tỉnh Hà Giang	Công nghệ Thông tin	
43	Nguyễn Mạnh	Vũ	23/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Công nghệ Thông tin	
44	Trương Thị Bích	Phượng	29/11/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kế toán	
45	Đỗ Văn	Quang	13/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
46	Phạm Thị	Quỳnh	06/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
47	Vũ Thị	Quỳnh	13/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
48	Trần Thị	Tân	13/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
49	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	16/12/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Kế toán	
50	Phạm Thị	Thu	20/09/1999	Tỉnh Ninh Bình	Kế toán	
51	Nguyễn Anh	Thư	08/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
52	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	09/11/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
53	Nguyễn Đức Khánh	Toàn	27/10/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
54	Ma Thị Huyền	Trang	20/05/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
55	Nguyễn Hồng	Trang	16/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
56	Mai Thị Thủy	Trang	12/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kế toán	
57	Hoàng Đình	Tuyển	20/09/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
58	Triệu Đức	Việt	19/05/2001	Tỉnh Yên Bái	Kế toán	
59	Nguyễn Thị Như	Ý	04/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
60	Hoàng Thị	Yến	16/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
61	Hà Thị	Trang	22/03/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kế toán	
62	Khúc Bảo	Trọng	26/08/1999	Thành phố Hải Phòng	Kế toán	
63	Nguyễn Quốc	Trung	04/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kế toán	
64	Trịnh Đức	Trung	27/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
65	Kim Đình	Trường	20/09/2000	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
66	Khổng Văn	Trường	05/03/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Kế toán	
67	Lò Việt	Trường	12/07/2001	Tỉnh Điện Biên	Kế toán	
68	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	03/09/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
69	Trần Thị Cẩm	Tú	22/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kế toán	
70	Đinh Thị Minh	Tuệ	07/08/2001	Tỉnh Yên Bái	Kế toán	
71	Mùa A	Tùng	21/10/2001	Tỉnh Điện Biên	Kế toán	
72	Nguyễn Thanh	Tùng	05/04/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kế toán	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
73	Trần Thị	Tuyển	02/01/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kế toán	
74	Lộc Anh	Ty	14/02/2001	Tỉnh Nghệ An	Kế toán	
75	Nguyễn Thu	Uyên	03/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
76	Nguyễn Văn	Vang	06/07/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán	
77	Phạm Thị Thuý	Vy	11/07/2000	Tỉnh Thái Bình	Kế toán	
78	Phu Ta	Xá	07/05/1998	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
79	Xa Thị Ái	Xuân	24/05/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kế toán	
80	Đặng Thị	Xuân	17/11/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kế toán	
81	Hoàng Thị	Xuân	28/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
82	Hoà Thị	Xuyến	18/04/2001	Tỉnh Thái Bình	Kế toán	
83	Vàng Thị	Yên	03/08/2001	Tỉnh Lào Cai	Kế toán	
84	Lương Thị Ngọc	Yến	24/06/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kế toán	
85	Lưu Thị	Yến	19/07/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kế toán	
86	Đoàn Thị Minh	Yến	03/08/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Kế toán	
87	Lường Thị	Yến	11/03/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kế toán	
88	Tráng A	Sở	06/03/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Luật Kinh tế	
89	Nguyễn Thị	Quỳnh	25/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
90	Nguyễn Xuân	Thắm	22/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Ngôn ngữ Anh	
91	Nguyễn Thị	Thảo	02/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
92	Đinh Thị Phương	Thảo	15/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
93	Trần Thị	Thu	16/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Ngôn ngữ Anh	
94	Lê Thị	Trâm	15/08/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Ngôn ngữ Anh	
95	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/01/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Ngôn ngữ Anh	
96	Trần Thị Hồng	Vân	01/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
97	Phạm Thị	Vân	15/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
98	Nguyễn Thị	Xuân	09/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Ngôn ngữ Anh	
99	Sùng A	Tính	08/07/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản lý Nhà nước	
100	Nguyễn Văn	Vinh	01/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản lý Xây dựng	
101	Nguyễn Mạnh	Quân	11/08/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
102	Hà Minh	Quang	20/02/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
103	Tần Trung	Quang	22/05/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
104	Lường Thị Ngọc	Quý	07/8/2001	Tỉnh Sơn La	Quản trị DV DL và Lữ hành	
105	Nguyễn Công	Quyền	18/01/2000	Tỉnh Phú Thọ	Quản trị DV DL và Lữ hành	
106	Vũ Đức	Quyết	05/01/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
107	Nguyễn Đăng	Quyết	19/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
108	Lương Thuý	Quỳnh	25/02/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
109	Trịnh Như	Quỳnh	06/06/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
110	Phùng Thị Hương	Quỳnh	24/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
111	Trương Thị Lâm	Sa	03/05/2001	Tỉnh Nghệ An	Quản trị DV DL và Lữ hành	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
112	Vàng A	Sà	20/06/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
113	Bùi Thị	Sang	03/02/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
114	Nguyễn Tứ	Sao	21/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
115	Lý Hồng	Son	18/07/2001	Tỉnh Hà Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
116	Hồ A	Súa	12/11/2000	Tỉnh Sơn La	Quản trị DV DL và Lữ hành	
117	Lý Láo	Tả	01/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
118	Đỗ Nhật	Tân	17/11/2001	Tỉnh Nam Định	Quản trị DV DL và Lữ hành	
119	Tòng Văn	Thăm	06/07/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
120	Vương Thị	Thắm	23/03/1998	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
121	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	10/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
122	Nguyễn Thị Phương	Thanh	20/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
123	Phạm Thị	Thanh	15/08/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
124	Giàng A	Thành	12/03/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
125	Lò Tuấn	Thành	23/03/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị DV DL và Lữ hành	
126	Hoàng Thị	Thảo	01/5/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
127	Hoàng Tiến	Thảo	31/03/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
128	Ngô Phương	Thảo	01/08/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
129	Tô Hữu	Thảo	23/02/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
130	Phan Thị Phương	Thảo	19/11/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
131	Quách Văn	Thế	09/06/2000	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
132	Hoàng Đức	Thiện	14/02/2001	Tỉnh Phú Thọ	Quản trị DV DL và Lữ hành	
133	Vũ Đức	Thiệt	04/03/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản trị DV DL và Lữ hành	
134	Dương Đức	Thịnh	03/01/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
135	Thắm Thị	Thom	10/02/2000	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
136	Nguyễn Thị	Thu	06/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
137	Nguyễn Thị	Thu	06/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
138	Phùng Ngọc	Thư	10/04/2001	Tỉnh Cao Bằng	Quản trị DV DL và Lữ hành	
139	Nguyễn Văn	Thư	27/07/2000	Tỉnh Thanh Hoá	Quản trị DV DL và Lữ hành	
140	Bùi Văn	Thụ	27/12/1999	Tỉnh Hoà Bình	Quản trị DV DL và Lữ hành	
141	Hoàng Văn	Thức	25/10/1999	Tỉnh Cao Bằng	Quản trị DV DL và Lữ hành	
142	Trần Hoài	Thương	29/08/2001	Tỉnh Phú Thọ	Quản trị DV DL và Lữ hành	
143	Nguyễn Thị	Thúy	31/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị DV DL và Lữ hành	
144	Đinh Thị Lệ	Thủy	27/11/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị DV DL và Lữ hành	
145	Vũ Thanh	Thủy	11/08/2001	Tỉnh Hưng Yên	Quản trị DV DL và Lữ hành	
146	Nguyễn Thu	Trang	21/08/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
147	Mẫn Thị Quỳnh	Trang	03/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
148	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/05/2001	Tỉnh Hà Nam	Quản trị DV DL và Lữ hành	
149	Bùi Thị Huyền	Trang	04/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
150	Đào Phương	Trang	19/01/2001	Tỉnh Hưng Yên	Quản trị DV DL và Lữ hành	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
151	Nông Văn	Quyết	03/10/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị Kinh doanh	
152	Dương Lan	Quỳnh	08/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
153	Trần Văn	Sâm	23/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
154	Nguyễn Quang	Sỹ	01/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
155	Tân Lao	Tả	19/02/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị Kinh doanh	
156	Đặng Thị Thanh	Tâm	09/12/2000	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
157	Nguyễn Thị Minh	Tâm	28/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
158	Đỗ Thị	Thảo	14/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
159	Nguyễn Thị	Thảo	09/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
160	Vi Văn	Thuận	21/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
161	Nguyễn Thị	Thuận	14/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
162	Đặng Văn	Thuận	27/12/1999	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
163	Nông Thị Hoài	Thương	10/06/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Quản trị Kinh doanh	
164	Nguyễn Thị	Thương	15/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
165	Trương Văn	Tiền	14/03/2000	Tỉnh Yên Bái	Quản trị Kinh doanh	
166	Lò Văn	Tiện	04/09/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị Kinh doanh	
167	Phạm Thị	Trâm	21/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
168	Vũ Thị Thu	Trang	26/12/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị Kinh doanh	
169	Vũ Văn	Trường	19/12/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
170	Đàm Đức	Trường	10/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
171	Vũ Minh	Tuấn	25/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
172	Hoàng	Tùng	24/07/1999	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
173	Hoàng Thu	Uyên	20/07/2000	Tỉnh Hoà Bình	Quản trị Kinh doanh	
174	Vũ Thị Thảo	Vân	12/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
175	Nguyễn Quang	Việt	05/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
176	Giàng A	Vinh	05/01/1900	Tỉnh Yên Bái	Quản trị Kinh doanh	
177	Phan Thế	Vũ	11/08/1997	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
178	Vũ Đình	Tuấn	18/5/2001	Tỉnh Bắc Giang	Thiết kế thời trang	

Danh sách có: 178 sinh viên

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trình tuyển	Chỉ số
151	Nguyễn Văn	03/10/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Quản trị Kinh doanh	
152	Đương Văn	08/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
153	Trần Văn	23/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
154	Nguyễn Quang	01/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
155	Lưu Văn	19/02/2001	Tỉnh Lai Châu	Quản trị Kinh doanh	
156	Đặng Thị Thanh	09/12/2000	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
157	Nguyễn Thị Minh	28/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
158	Bà Thị	14/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
159	Nguyễn Thị	09/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
160	Vũ Văn	21/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
161	Nguyễn Thị	14/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
162	Đặng Văn	27/12/1999	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
163	Nguyễn Thị Hoài	10/06/2001	Tỉnh Bắc Kinh	Quản trị Kinh doanh	
164	Nguyễn Thị	12/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
165	Trương Văn	14/03/2000	Tỉnh Yên Bái	Quản trị Kinh doanh	
166	Lê Văn	09/09/2001	Tỉnh Điện Biên	Quản trị Kinh doanh	
167	Phạm Thị	21/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
168	Vũ Thị Thu	20/12/2001	Tỉnh Hải Dương	Quản trị Kinh doanh	
169	Vũ Văn	10/12/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
170	Đỗ Đức	16/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
171	Vũ Minh	22/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
172	Hoàng	24/07/1999	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
173	Hoàng Thị	20/07/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
174	Vũ Thị Thảo	12/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
175	Nguyễn Quang	05/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
176	Nguyễn Văn	02/01/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
177	Trần Thị	11/09/1999	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
178	Vũ Minh	18/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	

Đã in sạch tại 18 năm 1999

Số: 996/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển đại học năm đợt 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ công văn số 1732/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 14/3/2015 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc triển khai đề án tự chủ tuyển sinh;

Căn cứ Quy chế số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế thi THPT Quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành đào tạo Giáo viên; trình độ Đại Học, Thạc sĩ, Tiến sĩ ;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKB ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh đại học năm 2019;

Căn cứ Đề án Tuyển sinh năm 2019 của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng Tuyển sinh 2019 Trường Đại học Kinh Bắc về điểm trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển vào các ngành/chuyên ngành của Trường Đại học Kinh Bắc cho 09 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đại học năm 2019 đợt 3 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng cách nộp bản chính Giấy báo trúng tuyển Đại học chính quy năm 2019 trước 17h00 ngày 20/11/2019 (thí sinh ở xa tính theo dấu bưu điện). Sau thời hạn trên, thí sinh không xác nhận nhập học coi như từ chối nhập học.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh năm 2019, Phòng Quản lý Đào tạo, các phòng, ban liên quan và các ông bà có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- HĐTS;
- Phòng QLĐT, TCHC;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



GS.TSKH.NGND. Nghiêm Văn Dĩnh

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT 3 NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 996/QĐ/ĐHKB ngày 07 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	11/12/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị DV DL và Lữ hành	
2	Vàng Thị Lan	09/12/2001	Tỉnh Lào Cai	Quản lý Nhà nước	
3	Trần Thị An	10/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kế toán	
4	Triệu Đức Việt	19/05/2001	Tỉnh Yên Bái	Kế toán	
5	Nghiêm Đức Mạnh	10/01/2000	Tỉnh Bắc Giang	Kế toán	
6	Chu Quý Tới	01/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
7	Nguyễn Ngọc Hoàng	07/12/1997	Tỉnh Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
8	Hoàng Hữu Huân	25/10/2001	Tỉnh Bắc Kạn	Công nghệ Thông tin	
9	Vũ Quang Hiến	17/02/2001	Tỉnh Hải Dương	Công nghệ Thông tin	

Danh sách có: 09 sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH SÁCH
 DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRỪNG TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2019
 (Theo Quyết định số 996/QĐ-ĐHKB ngày 07 tháng 11 năm 2019
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh SÁCH)
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	11/12/2001	Thị trấn Bồng Linh	Quản trị DV DL và Lễ tân	
2	Vàng Thị Lan	09/12/2001	Thị trấn Lào Cai	Quản lý Nhà nước	
3	Trần Thị An	10/03/2001	Thị trấn Bắc Ninh	Kế toán	
4	Trần Đức Việt	19/02/2001	Thị trấn Yên Bái	Kế toán	
5	Nguyễn Đức Mạnh	10/01/2000	Thị trấn Bắc Giang	Kế toán	
6	Trần Quý Tài	01/12/2001	Thị trấn Bắc Giang	Quản trị Kinh doanh	
7	Nguyễn Ngọc Hoàng	07/12/1997	Thị trấn Bắc Ninh	Quản trị Kinh doanh	
8	Hoàng Hữu Tuấn	25/10/2001	Thị trấn Bắc Kạn	Công nghệ Thông tin	
9	Vũ Quang Hân	17/02/2001	Thị trấn Hải Dương	Công nghệ Thông tin	

Danh sách này có giá trị xác thực

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

-----o0o-----
Số: 402/QĐ-ĐHKB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----
Bắc Ninh, ngày 16 tháng 08 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào Trường Đại học Kinh Bắc
hệ Đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm 2019*

CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg, ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKB ngày 15/05/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc về việc “Thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019”;

Căn cứ kết quả tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh hệ đại học chính quy năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Thư ký HĐQTS,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 34 thí sinh trúng tuyển và đủ điều kiện nhập học hệ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Kinh Bắc.

Điều 2. Các thí sinh đã trúng tuyển được vào học ngành Ngôn ngữ Anh theo danh sách kèm theo (Ban Thư ký HĐQTS có trách nhiệm triệu tập thí sinh trúng tuyển theo quy chế tuyển sinh hiện hành).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Ban Thư ký HĐQTS, trưởng các phòng, ban có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. CHỦ TỊCH HĐQTS
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQTS**



PGS.TS. NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2019

Số 402/QĐ-ĐHKB

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào Trường Đại học Kinh Bắc
hệ Đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI SỞ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg, ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính

phủ về thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-ĐHKB, ngày 12/05/2019 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Kinh Bắc về việc "Thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm

2019";

Căn cứ kết quả tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh hệ đại học chính quy năm

2019;

Xét đề nghị của Trường ban Thư ký HĐQT;

QUYẾT ĐỊNH

1. Điện L. Công nhận 34 thí sinh trúng tuyển và bổ sung tuyển sinh hệ đại học

chính quy ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Kinh Bắc.

Điều 2. Các thí sinh đã trúng tuyển được vào học ngành Ngôn ngữ Anh theo

chương trình đào tạo (Ban Thư ký HĐQT có trách nhiệm gửi tài liệu sinh trúng tuyển

theo quy chế tuyển sinh hiện hành).

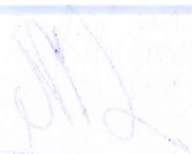
Điều 3. Các thí sinh trúng tuyển theo Ban Thư ký HĐQT trường đại học Kinh Bắc.

Điều 4. Các thí sinh trúng tuyển theo Ban Thư ký HĐQT trường đại học Kinh Bắc.

Điều 5. Các thí sinh trúng tuyển theo Ban Thư ký HĐQT trường đại học Kinh Bắc.

CHỦ TỊCH HỘI SỞ TRƯỜNG

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NĂM 2019

(Kèm theo quyết định số: 402 /QĐ-ĐHKB ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh Bắc

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Anh	23/01/2001	08D2200001	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	04/03/2001	08D2200002	
3	Tạ Minh Chiến	16/08/2001	08D2200003	
4	Nguyễn Thị Minh Cúc	14/03/2001	08D2200004	
5	Nguyễn Thị Diễm	14/08/2000	08D2200005	
6	Vũ Minh Hiếu	23/11/2001	08D2200007	
7	Hà Thị Hoà	12/02/1999	08D2200008	
8	Nguyễn Thị Hoài	24/09/1999	08D2200009	
9	Nguyễn Thị Hoài	21/01/2001	08D2200024	
10	Đỗ Thu Hoài	10/05/2001	08D2200030	
11	Vì Thị Kim Hồng	10/11/2001	08D2200027	
12	Nguyễn Thị Hương	07/08/2001	08D2200010	
13	Nguyễn Thị Lan Hương	03/05/2001	08D2200028	
14	Nguyễn Thị Hương	23/08/2001	08D2200032	
15	Lưu Thị Huyền	08/11/2001	08D2200011	
16	Đỗ Tả Khảm	19/12/2000	08D2200031	
17	Nguyễn Văn Ký	07/07/1985	08D2200012	
18	Trần Ngọc Lâm	17/10/2001	08D2200025	
19	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	02/04/2001	08D2200013	
20	Đỗ Huyền Linh	23/03/2001	08D2200014	
21	Nguyễn Thị Linh	26/10/1998	08D2200035	
22	Nguyễn Văn Lý	26/01/2001	08D2200015	
23	Vũ Trà My	23/07/2001	08D2200016	
24	Nguyễn Duy Nhất	09/10/2001	08D2200033	
25	Nguyễn Thị Quỳnh	25/10/2001	08D2200034	
26	Đặng Thị Thanh Tâm	09/12/2000	08D2200017	
27	Nguyễn Thị Thảo	02/04/2001	08D2200026	
28	Đinh Thị Phương Thảo	15/01/2001	08D2200029	
29	Trần Thị Thu	16/03/2001	08D2200018	
30	Lê Thị Trâm	15/08/2001	08D2200019	
31	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	08/01/2001	08D2200020	
32	Trần Thị Hồng Vân	01/06/2001	08D2200021	
33	Phạm Thị Vân	15/06/2001	08D2200022	
34	Nguyễn Thị Xuân	09/01/2001	08D2200023	

Danh sách có 34 sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

DANH SÁCH THÍ SINH THỰC THI TUYỂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NĂM 2019
(Kèm theo quyết định số: 402/QĐ-BKH ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	Chỉ chú
1	Nguyễn Thị Văn Anh	23/01/2001	0813200001	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	04/03/2001	0813200002	
3	Tô Minh Chiến	16/08/2001	0813200003	
4	Nguyễn Thị Minh Cúc	14/03/2001	0813200004	
5	Nguyễn Thị Diễm	14/08/2000	0813200005	
6	Vũ Minh Hiền	23/11/2001	0813200006	
7	Hà Thị Hoa	12/03/1999	0813200008	
8	Nguyễn Thị Hoài	24/09/1999	0813200009	
9	Nguyễn Thị Hoài	21/01/2001	0813200024	
10	Đỗ Thị Hoài	10/03/2001	0813200030	
11	Vũ Thị Khuê Hoàng	10/11/2001	0813200037	
12	Nguyễn Thị Hoàng	07/08/2001	0813200010	
13	Nguyễn Thị Liên Hương	03/05/2001	0813200028	
14	Nguyễn Thị Hương	23/08/2001	0813200033	
15	Trần Thị Hương	08/11/2001	0813200011	
16	Đỗ Thị Khanh	19/12/2000	0813200021	
17	Nguyễn Văn Kỳ	09/03/1995	0813200012	
18	Trần Ngọc Lan	15/10/2001	0813200025	
19	Nguyễn Thị Thuối Linh	02/01/2001	0813200017	
20	Đỗ Thị Linh	24/07/2001	0813200014	
21	Nguyễn Thị Linh	20/01/1998	0813200013	
22	Nguyễn Văn Lý	06/01/2001	0813200015	
23	Trần Thị Mỹ	23/02/2001	0813200016	
24	Nguyễn Thị Ngọc	09/10/2001	0813200024	
25	Nguyễn Thị Ngọc	20/06/2001	0813200014	
26	Nguyễn Thị Ngọc	06/04/2000	0813200017	
27	Nguyễn Thị Ngọc	11/04/2001	0813200020	
28	Đỗ Thị Ngọc	13/01/2001	0813200019	
29	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200018	
30	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
31	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
32	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
33	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
34	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
35	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
36	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
37	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
38	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
39	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	
40	Trần Thị Ngọc	19/01/2001	0813200019	

Số: 835 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thí sinh trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019 (Đợt bổ sung)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 tháng 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo thông tư số 05/2017/ TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017; đã được sửa đổi bổ sung tại thông tư số 07/2018/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-ĐHKB ngày 02 tháng 03 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐTS ngày 08 tháng 08 năm 2019 về việc thông báo điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 (bổ sung) năm 2019 theo kết quả học bạ THPT và kết quả điểm thi THPT (danh sách đính kèm).

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019 có trách nhiệm triệu tập thí sinh trúng tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh, Trường các đơn vị có liên quan và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Ngọc Trường

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Số: 332/QĐ-BHKB

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thi sinh trúng tuyển hệ đại học chính quy năm 2019 (Bột bổ sung)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo viên chức chính quy ban hành kèm theo thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2019; đã được sửa đổi bổ sung tại thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-BHKB ngày 02 tháng 03 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông báo số 02/TB-HĐTS ngày 08 tháng 08 năm 2019 về việc thông báo thi tuyển đại học chính quy năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thi sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 (bổ sung) năm 2019 theo kết quả thi THPT và kết quả điểm thi THPT chuyên được công nhận.

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019 có trách nhiệm triển khai thi tuyển trúng tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng 1 có liên quan và thi sinh có mặt tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
THAM MƯC
CHỖ VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG CHỮ

HỌT và họ
Chức vụ
Chữ ký

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NĂM 2019 (Đợt bổ sung)**

(Kèm theo Quyết định số **835** /QĐ-ĐHKB ngày **06** tháng **9** năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	NGÀNH	GHI CHÚ
1	La Thị Hằng	27/06/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
2	Lê Thị Ngọc Hân	08/10/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
3	Nguyễn Thị Hồng Hoa	30/05/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
4	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	12/11/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
5	Bùi Quang Huy	23/01/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
6	Đặng Thị Hải Hậu	02/11/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
7	Ngô Thị Kim Loan	18/01/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
8	Hà Thị Lộc	13/12/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
9	Nông Thị Hòa	20/09/2001	Quản trị kinh doanh	
10	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/05/2001	Quản trị kinh doanh	
11	Trần Thị Mận	01/08/2001	Quản trị kinh doanh	
12	Nguyễn Thị Miên	13/04/2000	Quản trị kinh doanh	
13	Đỗ Thanh Nga	24/01/2001	Quản trị kinh doanh	
14	Nguyễn Thị Thanh Nga	16/09/2001	Quản trị kinh doanh	
15	Đỗ Tuấn Nghĩa	25/02/2001	Quản trị kinh doanh	
16	Nguyễn Thị Ngọc	08/10/2001	Quản trị kinh doanh	
17	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
18	Cáp Thị Ngọc	25/07/2001	Quản trị kinh doanh	
19	Trần Thị Thanh Nhân	24/10/2001	Quản trị kinh doanh	
20	Đoàn Thu Phương	26/09/2000	Quản trị kinh doanh	
21	Chu Quý Tới	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
22	Phạm Văn Minh	15/06/2001	Công nghệ thông tin	
23	Hoàng Minh Sang	01/01/2000	Công nghệ thông tin	

Danh sách bao gồm 23 sinh viên./.

DANH SÁCH THÍ SINH TRỪNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NĂM 2019 (Đợt bổ sung)

(Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-ĐHKB ngày 06 tháng 3 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	NGÀNH	CHI CHỤ
1	La Thị Hằng	23/06/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
2	Lê Thị Ngọc Hân	08/10/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
3	Nguyễn Thị Hồng Hoa	30/03/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
4	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	12/11/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
5	Bùi Quang Huy	23/01/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
6	Dương Thị Hải Hậu	02/11/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
7	Ngô Thị Kim Loan	18/01/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
8	Hà Thị Lệ	12/12/2001	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	
9	Nguyễn Thị Hòa	20/09/2001	Quản trị kinh doanh	
10	Nguyễn Thị Thủy Linh	16/03/2001	Quản trị kinh doanh	
11	Trần Thị Mận	01/08/2001	Quản trị kinh doanh	
12	Nguyễn Thị Mến	13/04/2000	Quản trị kinh doanh	
13	Dỗ Thanh Nga	24/01/2001	Quản trị kinh doanh	
14	Nguyễn Thị Thanh Nga	16/09/2001	Quản trị kinh doanh	
15	Dỗ Tuấn Nghĩa	27/03/2001	Quản trị kinh doanh	
16	Nguyễn Thị Ngọc	02/10/2001	Quản trị kinh doanh	
17	Nguyễn Thị Ngọc	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
18	Cao Thị Ngọc	25/03/2001	Quản trị kinh doanh	
19	Trần Thị Thanh Nhân	24/10/2001	Quản trị kinh doanh	
20	Trần Thị Phương	26/09/2000	Quản trị kinh doanh	
21	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
22	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
23	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
24	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
25	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
26	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
27	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
28	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
29	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	
30	Trần Thị Phương	01/11/2001	Quản trị kinh doanh	